

Số: 51/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh kế hoạch
đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHOÁ X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý; sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 của tỉnh Đắk Lắk sau sắp xếp;

Xét Tờ trình số 147/TTr-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương; Báo cáo thẩm tra số 134/BC-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Công

văn số 06927/UBND-ĐTKT ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu ý kiến thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 16/7/2025 từ 7.201.702 triệu đồng xuống thành 6.686.036 triệu đồng (*Giảm 515.666 triệu đồng*). Cụ thể từng nguồn vốn sau điều chỉnh như sau:

1. Nguồn Trung ương cân đối vốn đầu tư phát triển trong nước là 1.421.770 triệu đồng.
2. Nguồn thu tiền sử dụng đất là 3.837.087 triệu đồng (*giảm 515.666 triệu đồng so với Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2025*).
3. Nguồn thu xổ số kiến thiết là 350.000 triệu đồng.
4. Nguồn tăng thu tiết kiệm chi năm 2023 là 860.928 triệu đồng.
5. Nguồn vốn huy động, đóng góp và đầu tư khác là 15.951 triệu đồng.
6. Nguồn vốn bội chi ngân sách địa phương là 200.300 triệu đồng.

Điều 2. Điều chỉnh và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2025, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh kế hoạch vốn giữa các chủ đầu tư: Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2025 đã giao thực hiện các dự án với tổng vốn 167.020 triệu đồng để điều chỉnh tăng kế hoạch vốn thực hiện các dự án phê duyệt quyết toán, hoàn thành, các dự án có khối lượng, các dự án cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện, với tổng vốn 167.020 triệu đồng.

2. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2025 đối với các nội dung, dự án với số vốn 515.666 triệu đồng, cụ thể:

a) Giảm kế hoạch vốn đối với nội dung thực hiện Đo đạc, đăng ký quản lý đất đai: 13.700 triệu đồng (Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh là 260.300 triệu đồng);

b) Giảm kế hoạch bố trí cho Quỹ phát triển đất: 137.000 triệu đồng (Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh là 0 triệu đồng);

c) Giảm kế hoạch vốn còn lại bố trí cho các dự án không còn nhu cầu giải ngân: 217.859 triệu đồng;

d) Giảm nguồn vốn thông báo sau chưa phân bổ: 147.107 triệu đồng.

3. Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn chưa phân bổ là 117.054 triệu đồng (*Trung ương cân đối vốn đầu tư phát triển trong nước: 24.135 triệu đồng; nguồn tăng thu*

tiết kiệm chi 2.419 triệu đồng; nguồn xố số kiến thiết: 90.500 triệu đồng) để bổ sung vốn cho các dự án phê duyệt quyết toán, hoàn thành, các dự án có khối lượng, các dự án cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

(Chi tiết tại các Phụ lục I, II, III, IV kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này, báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chịu trách nhiệm về nội dung, tính chính xác của số liệu trình, chỉ đạo thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định. Quan tâm các giải pháp để đảm bảo giải ngân hết nguồn vốn trong năm 2025.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Lăk khóa X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Ba thông qua ngày 30 tháng 10 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

Phụ lục I
TỔNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
NĂM 2025 ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2025
của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ	Nguồn vốn NSDP 2025 giao đầu năm	Điều chỉnh		Nguồn vốn NSDP 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
	NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (1+2+3+4)	7.201.702	515.666	-	6.686.036	
1	Trung ương cân đối vốn ĐTPT trong nước	1.421.770			1.421.770	
2	Thu tiền sử dụng đất	4.352.753	515.666		3.837.087	
3	Nguồn thu từ xổ số kiến thiết	350.000			350.000	
4	Nguồn vốn tăng thu tiết kiệm chi năm 2023	860.928			860.928	
5	Nguồn vốn huy động, đóng góp và đầu tư khác	15.951			15.951	
6	Nguồn vốn bồi chi ngân sách địa phương	200.300			200.300	

Phụ lục II

NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025 ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2025 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị thực hiện	Tiền thu SD đất năm 2025 đã giao	Trong đó, phân chia				Điều chỉnh giảm	Tiền thu SD đất năm 2025 sau điều chỉnh	Trong đó, phân chia				Ghi chú
			NS Tỉnh			Ngân sách cấp huyện (dành cho đầu tư XDCB)			NS Tỉnh			Ngân sách cấp huyện (dành cho đầu tư XDCB)	
			Tổng số	Trích 2 quỹ: Quỹ PT đất và Quỹ do đặc	Dành cho ĐT XDCB				Tổng số	Trích 2 quỹ: Quỹ PT đất và Quỹ do đặc	Dành cho ĐT XDCB		
	TỔNG SỐ	4.352.753	1.764.753	411.000	1.353.753	2.588.000	515.666	3.837.087	1.249.087	340.300	908.787	2.588.000	
I	Phía Tây tỉnh Đắk Lắk	2.740.000	1.380.000	411.000	969.000	1.360.000	137.000	2.603.000	1.243.000	340.300	902.700	1.360.000	
1	Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh	100.000	100.000	15.000	85.000			100.000	100.000	10.000	90.000		
2	Ban QLDA ĐTXD Dân dụng và CN tỉnh	360.000	360.000	54.000	306.000			360.000	360.000	36.000	324.000		
3	Các dự án đầu tư có thu tiền sử dụng đất	680.000	680.000	102.000	578.000		137.000	543.000	543.000	54.300	488.700		

4	Cấp huyện (cũ) thực hiện	1.600.000	240.000	240.000		1.360.000		1.600.000	240.000	240.000		1.360.000	
II	Phía Đông Đắk Lắk	1.612.753	384.753	-	384.753	1.228.000	378.666	1.234.087	6.087	-	6.087	1.228.000	
1	Cấp tỉnh thực hiện	384.753	384.753		384.753		378.666	6.087	6.087		6.087		
2	Cấp huyện (cũ) thực hiện	1.228.000				1.228.000		1.228.000				1.228.000	

Phụ lục III
DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (SAU ĐIỀU CHỈNH)
(Kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2025 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2025 đã giao					Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh Tăng	Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh					Ghi chú
			Chia theo nguồn vốn							Chia theo nguồn vốn					
			Tổng cộng	Trong đó:						Tổng cộng	Trong đó:				
				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vay lại				Cân đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vay lại	
	TỔNG CỘNG		3.895.950	963.350	2.675.000	180.000	77.600	609.155	359.342	3.646.137	985.063	2.368.929	214.545	77.600	
A	PHÂN BỐ CHI TIẾT		3.548.904	963.350	2.382.554	180.000	23.000	462.048	359.342	3.446.198	985.063	2.223.590	214.545	23.000	
A	NGÀNH, LĨNH VỰC, CHƯƠNG TRÌNH QUỐC PHÒNG AN NINH		73.865	48.381	25.484	-	-	8.000	38.750	104.615	87.131	17.484	-	-	
I	Công an tỉnh		31.468	26.514	4.954	-	-	-	5.000	36.468	31.514	4.954	-	-	
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025.		31.468	26.514	4.954	-	-	-	5.000	36.468	31.514	4.954	-	-	
1	Trụ sở làm việc Công an 15 xã vùng III trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Công an tỉnh	15.000	15.000				-	5.000	20.000	20.000	-	-	-	
2	Trại Tam giam Công an tỉnh Đắk Lắk giai đoạn I (Hạng mục: San nền, kê chân đất phân khu và tường rào bảo vệ trụ sở),	Công an tỉnh	16.468	11.514	4.954			-	-	16.468	11.514	4.954	-	-	
II	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		32.130	19.600	12.530	-	-	-	25.750	57.880	45.350	12.530	-	-	
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025.		32.130	19.600	12.530	-	-	-	25.750	57.880	45.350	12.530	-	-	
1	Bệnh xá 48/BCHQS tỉnh Đắk Lắk	BCH Quân sự tỉnh	2.600	2.600				-	2.950	5.550	5.550	-	-	-	

2	Đường hầm sơ chỉ huy huyện Buôn Đôn	BCH Quân sự tỉnh	7.000	7.000				-	-	7.000	7.000	-	-	-	
3	Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự 17 xã thuộc 07 huyện trên địa bàn tỉnh	BCH Quân sự tỉnh	10.000	10.000				-	6.000	16.000	16.000	-	-	-	
4	Xây dựng nhà ở phục vụ cán bộ chiến sỹ tại thao trường huấn luyện tổng hợp Krông Na	BCH Quân sự tỉnh	2.000		2.000			-	800	2.800	800	2.000	-	-	
5	Dự án Khu căn cứ chiến đấu trong diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Đắk Lắk	BCH Quân sự tỉnh	10.530		10.530			-	16.000	26.530	16.000	10.530	-	-	
III	Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh		10.267	2.267	8.000	-	-	8.000	8.000	10.267	10.267	-	-	-	
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025.		10.267	2.267	8.000	-	-	8.000	8.000	10.267	10.267	-	-	-	
1	Nâng cấp đường cơ động vào biên giới, các đồn biên phòng 735, 737 thuộc BCH Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Lắk	Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng	2.267	2.267				-	-	2.267	2.267	-	-	-	
2	Đường cơ động từ tiểu đoàn 19 đi đồn biên phòng Yok Đôn (749)	Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng	8.000		8.000			8.000	8.000	8.000	8.000	-	-	-	
IV	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh		531.365	364.458	146.670	20.237	-	232.536	55.352	354.181	200.394	102.458	51.329	-	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025		153.485	132.758	5.000	15.727	-	100.980	31.324	83.829	32.037	5.000	46.792	-	
1	Trụ sở làm việc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Buôn Hồ	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	1.734	1.734				-	-	1.734	1.734	-	-	-	
2	Trụ sở làm việc Sở Xây dựng	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	146	146				-	-	146	146	-	-	-	
3	Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện Krông Búk	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	3.000	2.000	1.000			-	-	3.000	2.000	1.000	-	-	
4	Đường giao thông vào Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Đắk Lắk	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	700	700				200	-	500	500	-	-	-	
5	Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	3.000			3.000		-	976	3.976	-	-	3.976	-	
6	Nâng cấp đoạn đường kết nối đường Trần Quý Cáp (đoạn từ nút giao ngã 3 đường Trần Quý Cáp - Mai Thị Lựu đến đường Lê Duẩn), thành phố Buôn Ma Thuột	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	1.980	1.980				780	-	1.200	1.200	-	-	-	

7	Mở rộng, nâng cấp Tỉnh lộ 2, đoạn từ km0-km6+431 (đường Tô Hữu), thành phố Buôn Ma Thuột	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	3.925	3.925				-	259	4.184	4.184	-	-	-	
8	Đường Hùng Vương nối dài (đoạn từ đường Kim Đồng, thị trấn Quảng Phú đến xã Ea Kpam), huyện Cư M'gar	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	8.000	8.000				-	-	8.000	8.000	-	-	-	
9	Quảng trường trung tâm thị xã Buôn Hồ	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh							89	89	-	-	89	-	
10	Trung tâm Kỹ thuật Phát thanh và Truyền hình, thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đắk Lắk	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	31.000	14.273	4.000	12.727		-	30.000	61.000	14.273	4.000	42.727	-	
11	Hồ thủy lợi Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	100.000	100.000				100.000	-	-	-	-	-	-	
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025.		377.880	231.700	141.670	4.510	-	131.556	24.028	270.352	168.357	97.458	4.537	-	
1	Trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	1.000	1.000				-	5.035	6.035	6.035	-	-	-	
2	Trụ sở làm việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	183	183				-	-	183	183	-	-	-	
3	Xây dựng nhà làm việc của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	7.000	7.000				-	2.100	9.100	9.100	-	-	-	
4	Trụ sở làm việc chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện Krông Ana	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	200	200				200	-	-	-	-	-	-	
5	Trụ sở làm việc chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện Buôn Đôn	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	3.300	3.300				-	3.485	6.785	6.785	-	-	-	
6	Trụ sở làm việc liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Đắk Lắk:	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	3.500	3.500				-	2.400	5.900	5.900	-	-	-	
7	Trụ sở làm việc chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện Ea Kar	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	7.000	7.000				-	-	7.000	7.000	-	-	-	
8	Trường THPT Dân tộc nội trú Đam San (GĐ 2)	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	500			500		500	-	-	-	-	-	-	
9	Trường Trung cấp tỉnh Đắk Lắk. Hạng mục: Nhà thực hành; nhà đa chức năng và hạ tầng kỹ thuật	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	9.000	9.000				-	-	9.000	9.000	-	-	-	

10	Trường Chính trị tỉnh Đắk Lắk; Hạng mục: Xây dựng mới nhà lưu trữ cho cán bộ, giảng viên; Cải tạo, nâng cấp nhà hiệu bộ, nhà ở học viên	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh							483	483	-	-	483	-	
11	Hệ thống nước sạch cho tiểu đoàn 303/e584 Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh							23	23	23	-	-	-	
12	Trung tâm Đào tạo, Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao tỉnh Đắk Lắk; Hạng mục: Nhà nội trú, bếp ăn cho vận động viên và hạ tầng kỹ thuật	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	-	-				-	-	-	-	-	-	-	
13	Đường giao thông trục chính vào Khu công nghiệp Hòa Phú	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	-	-				-	-	-	-	-	-	-	
14	Nhà máy xử lý nước rỉ rác cho Khu chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	19.615	19.615				-	-	19.615	19.615	-	-	-	
15	Hệ thống cấp nước sạch khu công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	900	900				-	-	900	900	-	-	-	
16	San nền, đèn bù và đấu tư một số trục đường (CN2, CN3, CN4 nối dài và CN12) - Khu công nghiệp Hòa Phú	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	21.000	21.000				-	-	21.000	21.000	-	-	-	
17	Hệ thống cấp nước cho thị trấn Liên Sơn và các xã Đắk Liêng, xã Đắk Nuê, huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	19.000	19.000				2.700	-	16.300	16.300	-	-	-	
18	Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Giáo dục hòa nhập Trẻ khuyết tật tỉnh Đắk Lắk; Hạng mục: Nhà lớp học, thư viện, các phòng chức năng và nhà lớp học bộ môn	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	7.500	5.000		2.500		-	-	7.500	5.000	-	2.500	-	
19	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk; Hạng mục: Nhà điều trị nội trú	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	4.000	2.990		1.010		-	44	4.044	2.990	-	1.054	-	
20	Đường giao thông phía tây Quốc lộ 14 (đoạn từ Quốc lộ 14 thuộc phường Đạt Hiếu đến suối A Jun, phường Thống Nhất), thị xã Buôn Hồ - giai đoạn 1	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	40.000	23.000	17.000			-	-	40.000	23.000	17.000	-	-	
21	Đường Nguyễn Đình Chiểu nối dài, thành phố Buôn Ma Thuột	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	70.000	10.000	60.000			-	-	70.000	10.000	60.000	-	-	
22	Hệ thống quan trắc nước thải tự động Khu công nghiệp Hòa Phú	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	2.000		2.000					2.000	-	2.000	-	-	
23	Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Phú (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	13.185	4.685	8.000	500		-	-	13.185	4.685	8.000	500	-	

24	Dự án khu đô thị sinh thái văn hóa, du lịch dân tộc tỉnh Đắk Lắk: Hạng mục San lấp, bồi thường giải phóng mặt bằng	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	30.000		30.000			30.000	-	-	-	-	-	-	
25	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị thị xã Buôn Hồ	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh						3.042	3.042	-	3.042	-	-		
26	Dự án phát triển đô thị khu vực phía Đông và dọc hành lang số Ea Nao - Ea Tam	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh						7.416	7.416	-	7.416	-	-		
27	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư tại khu đô thị sinh thái văn hoá, du lịch dân tộc Đắk Lắk	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	14.000	14.000			340	-	13.660	13.660	-	-	-		
28	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ Nguyễn Đình Chiểu đến đường Trần Khánh Dư và đoạn từ Phan Trọng Tuệ đến đường Lê Quý Đôn), thành phố Buôn Ma Thuột	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	104.997	80.327	24.670		97.816	-	7.181	7.181	-	-	-		
V	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh		234.173	62.336	148.837	-	23.000	15.000	68.989	288.162	126.515	138.647	-	23.000	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025		80.262	262	80.000	-	-	-	26.489	106.751	21.941	84.810	-	-	
1	Xây dựng hồ chứa nước Yên Ngựa	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	80.000		80.000			-	15.000	95.000	15.000	80.000	-	-	
2	Đường giao thông liên xã Ia Lốp - Ia Rvê, huyện Ea Súp (đoạn từ Đoàn kinh tế - quốc phòng 737 xã Ia Rvê)	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh						8.000	8.000	4.000	4.000	-	-		
3	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 1, đoạn Km49-Km66	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh						810	810	-	810	-	-		
4	Cầu vượt sông Krông Ana và đường hai đầu cầu nối Tỉnh lộ 2 và Tỉnh lộ 7	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh						2.331	2.331	2.331	-	-	-		
5	Đầu tư xây dựng Cầu Cự Păm (Km21+050), Tỉnh lộ 9, huyện Krông Bông	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	262	262			-	348	610	610	-	-	-		
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025.		153.911	62.074	68.837	-	23.000	15.000	42.500	181.411	104.574	53.837	-	23.000	
1	Dự án di dân khẩn cấp vùng lũ ống, lũ quét, sạt lở đất cụm dân cư thôn 4, thôn 7, thôn 8, thôn 9, thôn 10 và thôn 12 xã Ya Tờ Mốt, huyện Ea Súp	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	15.000	15.000				-	-	15.000	15.000	-	-	-	

2	Dự án ổn định dân di cư tự do thôn Ea Rót, xã Cư Pui, huyện Krông Bông	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	21.600	21.600				-	25.000	46.600	46.600	-	-	-	
3	Dự án kê chống sạt lở bờ sông Krông Pách và xây dựng đê bao ngăn lũ đoạn qua xã Vụ Bồn, huyện Krông Pắc	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	20.000		20.000			15.000	-	5.000	-	5.000	-	-	
4	Đường giao thông từ xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ đi Km111+950 quốc lộ 26, xã Ea Phê, huyện Krông Pắc	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.000	2.000				-	15.000	17.000	17.000	-	-	-	
5	Đường liên huyện Ea H'leo - Krông Năng (Đoạn từ xã Dliê Yang, xã Ea Hiao, huyện Ea H'leo đi xã Ea Tân huyện Krông Năng)	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.400	2.400				-	2.500	4.900	4.900	-	-	-	
6	Dự án Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 1 đoạn từ cầu Buôn Ky, thành phố Buôn Ma Thuột đến Km 49+00	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	15.000		15.000			-	-	15.000	-	15.000	-	-	
7	Đường giao thông liên huyện Cư M'gar - thị xã Buôn Hồ	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	21.074	21.074				-	-	21.074	21.074	-	-	-	
8	Tiểu dự án nâng cấp, xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ nước tưới cho cây trồng cận tỉnh Đắk Lắk, dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	56.837		33.837		23.000	-	-	56.837	-	33.837	-	23.000	
VI	Thành phố Buôn Ma Thuột		11.420	-	6.980	4.440	-	-	-	11.420	-	6.980	4.440	-	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia		7.920	-	4.480	3.440	-	-	-	7.920	-	4.480	3.440	-	
	<i>Chương trình XD nông thôn mới</i>		<i>7.840</i>		<i>4.400</i>	<i>3.440</i>		-	-	<i>7.840</i>	-	<i>4.400</i>	<i>3.440</i>	-	
	<i>Chương trình DTTS&MN</i>		<i>80</i>		<i>80</i>			-	-	<i>80</i>	-	<i>80</i>	-	-	
2	Bổ sung ngân sách huyện thực hiện NQ 22/NQ-HĐND tỉnh		3.500		2.500	1.000		-	-	3.500	-	2.500	1.000	-	
VII	Huyện Cư Kuin		66.605	38.900	18.370	9.335	-	7.145	7.145	66.605	38.900	18.370	9.335	-	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025		7.000	7.000	-	-	-	3.500	-	3.500	3.500	-	-	-	
1	Trạm bơm Đồng sơn xã Hòa Hiệp, huyện Cư Kuin	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	4.000	4.000				3.500	-	500	500	-	-	-	

2	Hệ thống thoát nước khu trung tâm hành chính huyện Cư Kuin	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	3.000	3.000				-	-	3.000	3.000	-	-	-	
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025.		31.900	31.900	-	-	-	3.645	7.145	35.400	35.400	-	-	-	
1	Cải tạo đường GT liên xã Ea Ktur đi xã Ea Ning (đoạn từ ngã 3 Ea Sim đến Hồ Việt Đức 4), huyện Cư Kuin	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	1.900	1.900				1.900	-	-	-	-	-	-	
2	Xây dựng hệ thống tiêu nước dọc đường lô cao su từ tỉnh lộ 10 đầu nối vào hệ thống thoát nước khu trung tâm hành chính huyện Cư Kuin	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	1.700	1.700				-	-	1.700	1.700	-	-	-	
3	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND và UBMTTQVN xã Ea Hu	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	3.000	3.000				1.500	-	1.500	1.500	-	-	-	
4	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND và UBMTTQVN xã Cư Êwi	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	1.100	1.100				245	-	855	855	-	-	-	
5	Cải tạo, nâng cấp đường GT từ thôn 1B đi thôn 19 xã Cư Êwi, huyện Cư Kuin	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	3.500	3.500				-	-	3.500	3.500	-	-	-	
6	Nâng cấp, cải tạo Đường giao thông liên xã từ thôn 2 xã Ea Bhôk đến chợ An Bình xã Ea Hu, huyện Cư Kuin.	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	4.500	4.500				-	1.500	6.000	6.000	-	-	-	
7	Dự án Đầu tư xây dựng đường giao thông trục D2 (đường trục chính trung tâm) Cụm Công nghiệp Cư Kuin	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.700	2.700				-	890	3.590	3.590	-	-	-	
8	Dự án Xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung Cụm Công nghiệp Cư Kuin	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	7.000	7.000				-	-	7.000	7.000	-	-	-	
9	Hệ thống điện chiếu sáng từ ngã 3 Cây Gòn đi chợ Việt Đức 3, xã Ea Bhôk, huyện Cư Kuin	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	900	900				-	2.855	3.755	3.755	-	-	-	
10	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa - Thể thao huyện Cư Kuin; Hàng mục: Nhà thi đấu thể thao, nhà bảo vệ, công tường rào và hạ tầng kỹ thuật	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	5.600	5.600				-	1.900	7.500	7.500	-	-	-	
11	Chương trình mục tiêu quốc gia		19.105	-	13.770	5.335	-	-	-	19.105	-	13.770	5.335	-	
	<i>Chương trình XD nông thôn mới</i>		<i>19.105</i>		<i>13.770</i>	<i>5.335</i>		-	-	19.105	-	13.770	5.335	-	

	Chương trình DTTS&MN		-					-	-	-	-	-	-	-	
12	Bổ sung ngân sách huyện thực hiện NQ 22/NQ-HĐND tỉnh		8.600		4.600	4.000		-	-	8.600	-	4.600	4.000	-	
VIII	Huyện Cư M'Gar		56.256	40.172	6.967	9.117	-	6.678	6.616	56.194	40.110	6.967	9.117	-	
b	Dự án khôi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025.		40.172	40.172	-	-	-	6.678	6.616	40.110	40.110	-	-	-	
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ thị trấn Quảng Phú đi xã Quảng Tiến và xã Ea M'ngang, huyện Cư M'gar	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	5.236	5.236				328	-	4.908	4.908	-	-	-	
2	Nâng cấp, nạo vét hồ Ea Trum, xã Cư Suê, huyện Cư M'gar	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	1.500	1.500				-	800	2.300	2.300	-	-	-	
3	Đập dâng Ea Chuar 2, thị trấn Ea Pôk, huyện Cư M'gar; Hạng mục: Đập dâng, cống đầu mối, kênh & CTTK	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	6.000	6.000				3.750	-	2.250	2.250	-	-	-	
4	Nâng cấp, sửa chữa hồ Buôn Za Wam, xã Ea Kiết, huyện Cư M'gar	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	1.000	1.000				-	1.165	2.165	2.165	-	-	-	
5	Đường giao thông liên xã Ea Đrong đi xã Quảng Tiến, huyện Cư M'gar	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.500	2.500				-	1.500	4.000	4.000	-	-	-	
6	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND và UBND- xã Ea Kpam, huyện Cư M'Gar, hạng mục: Nhà làm việc 2 tầng, hạ tầng kỹ thuật	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.300	2.300				-	151	2.451	2.451	-	-	-	
7	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông Buôn Lang, Buôn Máp, thị trấn Ea Pôk, huyện Cư M'gar	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	4.000	4.000				-	2.000	6.000	6.000	-	-	-	
8	Đập dâng Ea Đrong, xã Ea Đrong, huyện Cư M'gar; Hạng mục: Đập dâng - Cống đầu mối - Kênh & CTTK	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	6.000	6.000				2.600	-	3.400	3.400	-	-	-	
9	Đường giao thông liên xã Ea Tul đi Ea Đrong, huyện Cư M'gar	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	1.000	1.000				-	-	1.000	1.000	-	-	-	
10	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông từ xã Ea M'ngang, huyện Cư M'gar đi xã Ea Bar, huyện Buôn Đôn	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	3.636	3.636				-	-	3.636	3.636	-	-	-	

11	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước đường Hùng Vương (Đoạn từ đường Trần Kiên đến đường Lý Thường Kiệt) TT Quảng Phú, huyện Cư M'gar	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	5.000	5.000				-	-	5.000	5.000	-	-	-	
12	Đường giao thông liên xã Cư M'gar đi xã Ea H'Đing, huyện Cư M'gar	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.000	2.000				-	1.000	3.000	3.000	-	-	-	
13	Chương trình mục tiêu quốc gia		8.684	-	4.567	4.117	-	-	-	8.684	-	4.567	4.117	-	
	<i>Chương trình XD nông thôn mới</i>		8.583		4.466	4.117		-	-	8.583	-	4.466	4.117	-	
	<i>Chương trình DTTS&MN</i>		101		101			-	-	101	-	101	-	-	
14	Bổ sung ngân sách huyện thực hiện NQ 22/NQ-HĐND tỉnh		7.400		2.400	5.000		-	-	7.400	-	2.400	5.000	-	
IX	Huyện Ea H'leo		53.372	32.026	17.696	3.650	-	-	6.704	60.076	37.026	17.696	5.354	-	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025		426	426	-	-	-	-	-	426	426	-	-	-	
1	Đường GT từ xã Ea H'leo (Km613 - Quốc lộ 14) nối đường biên giới Tây bắc, huyện Ea Súp (GĐ 2)	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	426	426				-	-	426	426	-	-	-	
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025.		38.412	31.600	6.812	-	-	-	6.704	45.116	36.600	6.812	1.704	-	
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Ea Khal, Ea Wy, Cư Amung	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	6.600	6.600				-	-	6.600	6.600	-	-	-	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Ea Sol đi xã Ea Hiao, huyện Ea H'Leo	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	6.405	5.000	1.405			-	-	6.405	5.000	1.405	-	-	
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Ea Wy - Cư Amung - Ea Tір, huyện Ea H'Leo	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.700	2.700				-	-	2.700	2.700	-	-	-	
4	Trường THPT Ea H'leo, huyện Ea H'leo; Hạng mục: Nhà lớp học 12 phòng	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.200	2.200				-	1.704	3.904	2.200	-	1.704	-	

5	Đường giao thông thôn 7a, 7b, 7c đi trung tâm xã Ea Hiao, huyện Ea H'Leo	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.000	2.000				-	2.500	4.500	4.500	-	-	-	
6	Thủy lợi Ea Khal hạ, xã Ea Tір, huyện Ea H'Leo	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.000	2.000				-	-	2.000	2.000	-	-	-	
7	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND - UBND xã Ea Nam, huyện Ea H'Leo	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	407		407			-	-	407	-	407	-	-	
8	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm Công nghiệp Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	5.000		5.000			-	-	5.000	-	5.000	-	-	
9	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Ea Wy - Cư Mốt - Ea Khal, huyện Ea H'Leo	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	1.800	1.800				-	1.200	3.000	3.000	-	-	-	
10	Đập sinh mây, xã Cư Amung, huyện Ea H'leo	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	6.000	6.000				-	-	6.000	6.000	-	-	-	
11	Cải tạo, nâng cấp Đường giao thông liên huyện Ea H'Leo - Cư Mgar	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	3.300	3.300				-	1.300	4.600	4.600	-	-	-	
12	Chương trình mục tiêu quốc gia		7.134	-	6.484	650	-	-	-	7.134	-	6.484	650	-	
	<i>Chương trình XD nông thôn mới</i>		4.990		4.340	650		-	-	4.990	-	4.340	650	-	
	<i>Chương trình DTTS&MN</i>		2.144		2.144			-	-	2.144	-	2.144	-	-	
13	Bổ sung ngân sách huyện thực hiện NQ 22/NQ-HĐND tỉnh		7.400		4.400	3.000		-	-	7.400	-	4.400	3.000	-	
X	Huyện Ea Kar		66.976	39.088	20.861	7.027	-	8.708	5.680	63.948	34.311	20.861	8.776	-	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025		3.688	3.688	-	-	-	-	-	3.688	3.688	-	-	-	
1	Đường giao thông liên xã Xuân Phú - Ea Sô, huyện Ea Kar	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	1.244	1.244				-	-	1.244	1.244	-	-	-	

2	Đường đến Trung tâm xã Ea Sô (Ea Sar cũ), huyện Ea Kar	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.444	2.444			-	-	2.444	2.444	-	-	-	
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025.		36.663	35.400	-	1.263	-	8.708	5.680	33.635	30.623	-	3.012	-
1	Nâng cấp, sửa chữa công trình thủy lợi Ea Tlít, xã Cư Elang, huyện Ea Kar	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	500	500			500	-	-	-	-	-	-	
2	Cầu Hàm Long, xã Xuân Phú, huyện Ea Kar	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	1.500	1.500			117	-	1.383	1.383	-	-	-	
3	Trường THPT Ngô Gia Tự, thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar; Hạng mục: Nhà hiệu bộ	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	-	-			-	-	-	-	-	-	-	
4	Quảng trường Ea Kar, huyện Ea Kar (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	-	-			-	2.518	2.518	2.518	-	-	-	
5	Đường N6 Khu trung tâm hành chính mới huyện Ea Kar	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.200	2.200			-	1.022	3.222	3.222	-	-	-	
6	Đường D5, N4 Khu trung tâm hành chính mới huyện Ea Kar	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	15.000	15.000			8.000	-	7.000	7.000	-	-	-	
7	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Cư Ni đi xã Ea Pal và xây dựng mới các trục đường khu dân cư xã Cư Ni, huyện Ea Kar	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh						391	391	391	-	-	-	
8	Đầu tư xây dựng kè và san nền Khu trung tâm hành chính mới huyện Ea Kar	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	500	500			-	-	500	500	-	-	-	
9	Trường THPT Võ Nguyên Giáp, xã Ea Ô, huyện Ea Kar (GD2)	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	1.263			1.263	-	1.749	3.012	-	-	3.012	-	
10	Đường N8 Khu trung tâm hành chính mới huyện Ea Kar	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	6.000	6.000			-	-	6.000	6.000	-	-	-	
11	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Ea Pal đi Cư Prông huyện Ea Kar	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	1.000	1.000			91	-	909	909	-	-	-	

12	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu khu dân cư Buôn Ea Rót, xã Cư Elang, huyện Ea Kar	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.000	2.000				-	-	2.000	2.000	-	-	-	
13	Dự án Hệ thống xử lý nước thải Cụm Công nghiệp Ea Đar, huyện Ea Kar	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	6.700	6.700				-	-	6.700	6.700	-	-	-	
14	Chương trình mục tiêu quốc gia		19.225	-	16.461	2.764	-	-	-	19.225	-	16.461	2.764	-	
	<i>Chương trình XD nông thôn mới</i>		9.025		6.261	2.764		-	-	9.025	-	6.261	2.764	-	
	<i>Chương trình DTTS&MN</i>		10.200		10.200			-	-	10.200	-	10.200	-	-	
15	Bổ sung ngân sách huyện thực hiện NQ 22/NQ-HĐND tỉnh		7.400		4.400	3.000		-	-	7.400	-	4.400	3.000	-	
XI	Huyện Krông Ana		62.238	22.387	26.928	12.923	-	-	3.100	65.338	25.487	26.928	12.923	-	
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025.		30.387	22.387	8.000	-	-	-	3.100	33.487	25.487	8.000	-	-	
1	Sửa chữa Đê bao Quảng Điền, huyện Krông Ana	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	5.696	5.696				-	-	5.696	5.696	-	-	-	
2	Xây dựng trạm bơm và kênh mương Bầu Đen, xã Bình Hòa, huyện Krông Ana	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	-	-				-	-	-	-	-	-	-	
3	Cải tạo, nâng cấp đường Phan Bội Châu và đường Lê Lợi, thị trấn Buôn Tráp, huyện Krông Ana	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	-	-				-	-	-	-	-	-	-	
4	Cải tạo trụ sở làm việc Huyện ủy và trụ sở làm việc HĐND, UBND huyện Krông Ana	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	-	-				-	-	-	-	-	-	-	
5	Cải tạo nâng cấp và mở rộng tuyến đường Nguyễn Du nội dài, thị trấn Buôn Tráp, huyện Krông Ana (đoạn từ dân phố 3 đến ngã tư buôn Ê Cầm)	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.991	2.991				-	-	2.991	2.991	-	-	-	
6	Nâng cấp đường giao thông từ ngã ba Quỳnh Ngọc, xã Ea Na đi thác Dray Nur, xã Dray Sáp, huyện Krông Ana	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.800	2.800				-	150	2.950	2.950	-	-	-	

7	Xây dựng trạm bơm buôn trấp 6 và hệ thống kênh tưới khu vực Thác Đá, thị trấn Buôn Trấp, huyện Krông Ana	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	3.500	3.500				-	-	3.500	3.500	-	-	-	
8	Trường THPT Krông Ana, huyện Krông Ana; Hạng mục: Nhà lớp học bộ môn	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	1.600	1.600				-	1.750	3.350	3.350	-	-	-	
9	Nâng cấp đường giao thông từ thị trấn Buôn Trấp đi Buôn Tơ Lơ, huyện Krông Ana	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	1.800	1.800				-	-	1.800	1.800	-	-	-	
10	Xây dựng trụ sở làm việc UBND xã Ea Na, huyện Krông Ana	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	4.000	4.000				-	1.200	5.200	5.200	-	-	-	
11	Đường giao thông ra khu sản xuất tập trung cánh đồng tháng 10, thị trấn Buôn Trấp, huyện Krông Ana	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	4.000		4.000			-	-	4.000	-	4.000	-	-	
12	Xây dựng trạm bơm Buôn Trấp 5 và hệ thống kênh tưới cánh đồng tháng 10, huyện Krông Ana	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	4.000		4.000			-	-	4.000	-	4.000	-	-	
13	Chương trình mục tiêu quốc gia		21.251	-	11.328	9.923	-	-	-	21.251	-	11.328	9.923	-	
	<i>Chương trình XD nông thôn mới</i>		21.159		11.236	9.923		-	-	21.159	-	11.236	9.923	-	
	<i>Chương trình DTTS&MN</i>		92		92			-	-	92	-	92	-	-	
14	Bổ sung ngân sách huyện thực hiện NQ 22/NQ-HĐND tỉnh		10.600		7.600	3.000		-	-	10.600	-	7.600	3.000	-	
XII	Huyện Krông Bông		56.324	37.947	11.997	6.380	-	403	7.852	63.773	45.396	11.997	6.380	-	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025		1.761	1.761	-	-	-	-	-	1.761	1.761	-	-	-	
1	Điều chỉnh, mở rộng DA QH, sắp xếp, ổn định DDCTD vùng Ea Lang, xã Cư Pui, huyện Krông Bông		-					-	-	-	-	-	-	-	

	Trường THCS Cư Pui II và Trường mẫu giáo Cư Pui, thuộc Dự án điều chỉnh mở rộng dự án quy hoạch sắp xếp, ổn định dân di cư tự do vùng Ea Ləng (gồm cả điểm dân di cư tự do Ea Bar, Ea Đók), xã Cư Pui, huyện Krông Bông	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	1.761	1.761				-	-	1.761	1.761	-	-	-	
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025.		38.186	36.186	2.000	-	-	403	7.852	45.635	43.635	2.000	-	-	
1	Đường vào khu dân dân, tái định cư (Buôn Ea Chôr, Buôn Kiêu, Buôn Hăng Năm), xã Yang Mao, huyện Krông Bông	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	5.000	5.000				-	-	5.000	5.000	-	-	-	
2	Cầu BTCT qua suối Ea Bar thuộc đường liên xã Cư Pui đi xã Cư Đrăm H. Krông bông	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.049	2.049			44		-	2.005	2.005	-	-	-	
3	Gia cố mái kênh chính và các hạng mục phụ trợ thuộc công trình thủy lợi Krông Kmar, huyện Krông Bông	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.066	2.066				-	-	2.066	2.066	-	-	-	
4	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông từ xã Hòa Thành, huyện Krông Bông đi xã Ea Hu, huyện Cư Kuin	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	271	271				-	-	271	271	-	-	-	
5	Trạm bơm cánh đồng Công Trường, xã Ea Trul, huyện Krông Bông	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	8.600	8.600			359		-	8.241	8.241	-	-	-	
6	Trạm bơm cánh đồng Đồi Sơn, xã Khuê Ngọc Điền, huyện Krông Bông	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	3.300	3.300				-	-	3.300	3.300	-	-	-	
7	Kiên cố hóa kênh mương công trình Trạm bơm Buôn Tiêr xã Hòa Phong, huyện Krông Bông	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.300	2.300				-	1.503	3.803	3.803	-	-	-	
8	Đường vào khu sản xuất phía Tây xã Drang Kang, huyện Krông Bông	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	3.500	3.500				-	1.749	5.249	5.249	-	-	-	
9	Kiên cố hóa kênh mương công trình Trạm bơm thôn 6, xã Hòa Lễ huyện Krông Bông	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	1.800	1.800				-	-	1.800	1.800	-	-	-	
10	Kiên cố hóa kênh mương công trình trạm bơm Buôn Cư Mil, xã Ea Trul, huyện Krông Bông	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	1.500	1.500				-	1.500	3.000	3.000	-	-	-	

11	Trường THPT Trần Hưng Đạo, huyện Krông Bông; Hạng mục: Nhà lớp học 8 phòng, nhà bộ môn kết hợp các phòng chức năng, nhà đa chức năng, sân bê tông	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	6.000	4.000	2.000			-	1.300	7.300	5.300	2.000	-	-	
12	Dự án đầu tư dây chuyền máy chế biến gạo bóng cho Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp Thăng Bình	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh								-	-	-	-	-	
13	Trụ Sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND- UBMT Tổ quốc xã Cư Pui, huyện Krông Bông	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	1.800	1.800				-	1.800	3.600	3.600	-	-	-	
14	Chương trình mục tiêu quốc gia		5.777	-	4.397	1.380	-	-	-	5.777	-	4.397	1.380	-	
	<i>Chương trình XD nông thôn mới</i>		1.877		497	1.380		-	-	1.877	-	497	1.380	-	
	<i>Chương trình DTTS&MN</i>		3.900		3.900			-	-	3.900	-	3.900	-	-	
15	Bổ sung ngân sách huyện thực hiện NQ 22/NQ-HĐND tỉnh		10.600		5.600	5.000		-	-	10.600	-	5.600	5.000	-	
XIII	Huyện Krông Búk		51.074	32.800	14.775	3.499	-	15.338	14.467	50.203	33.271	13.433	3.499	-	
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025.		36.500	32.800	3.700	-	-	15.338	14.467	35.629	33.271	2.358	-	-	
1	Bãi xử lý rác tập trung huyện Krông Búk	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	5.500	5.500				3.838	-	1.662	1.662	-	-	-	
2	Xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật và đường vào công trình Ghi công liệt sỹ huyện Krông Búk	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	4.100	4.100				3.500	-	600	600	-	-	-	
3	Đường GT từ Buôn Đrao đi thôn Ea Nguôi, xã Cư Nê, huyện Krông Búk	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	-					-	-	-	-	-	-	-	
4	Đường giao thông liên xã từ thôn 6, xã Cư Nê đi thôn Ea My, xã Ea Sin, huyện Krông Búk	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.800	2.800				-	3.896	6.696	6.696	-	-	-	
5	Hệ thống điện chiếu sáng tại khu trung tâm huyện trên tuyến đường N6 và đường Quốc lộ 14 , huyện Krông Búk	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	1.000	1.000				-	2.307	3.307	2.342	965	-	-	

6	Đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật Điểm dân cư nông thôn Buôn Mũi và Buôn Dĩa, xã Cư Nế, huyện Krông Búk	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	6.000	5.000	1.000			-	926	6.926	5.926	1.000	-	-	
7	Đường giao thông trục D4 thuộc khu trung tâm hành chính huyện Krông Búk	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.700		2.700			2.307	-	393	-	393	-	-	
8	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa - Thể thao huyện Krông Búk; Hạng mục: Nhà biểu diễn 500 chỗ và hạ tầng kỹ thuật	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	-					-	-	-	-	-	-	-	
9	Dự án Hệ thống xử lý nước thải, đường giao thông bên trong Cụm Công nghiệp Krông Búk 1, huyện Krông Búk,	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	8.400	8.400				-	7.338	15.738	15.738	-	-	-	
10	Đập đầu suối Ea Súp, xã Pong Drang, huyện Krông Búk	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	6.000	6.000				5.693	-	307	307	-	-	-	
11	Chương trình mục tiêu quốc gia		3.974	-	3.475	499	-	-	-	3.974	-	3.475	499	-	
	<i>Chương trình XD nông thôn mới</i>		2.574		2.075	499		-	-	2.574	-	2.075	499	-	
	<i>Chương trình DTTS&MN</i>		1.400		1.400			-	-	1.400	-	1.400	-	-	
12	Bổ sung ngân sách huyện thực hiện NQ 22/NQ-HĐND tỉnh		10.600		7.600	3.000		-	-	10.600	-	7.600	3.000	-	
XIV	Huyện Krông Năng		44.514	26.400	10.812	7.302	-	-	18.370	62.884	44.770	10.812	7.302	-	
b	Dự án khôi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025.		31.500	26.400	5.100	-	-	-	18.370	49.870	44.770	5.100	-	-	
1	Trung tâm Y tế huyện Krông Năng; Hạng mục: Khôi hành chính và phòng mổ, khoa y học cổ truyền	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	500	500				-	-	500	500	-	-	-	
2	Xây dựng mới cầu km 12+900 tỉnh lộ 3	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	5.200	5.200				-	-	5.200	5.200	-	-	-	

3	Hệ thống điện chiếu sáng nội thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.800	2.800			-	-	2.800	2.800	-	-	-	
4	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ trung tâm huyện đến trung tâm xã Ea Tóh, huyện Krông Năng	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	3.100	3.100			-	3.331	6.431	6.431	-	-	-	
5	Đường giao thông các trục chính buôn Dliêya, xã Dliêya, huyện Krông Năng	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.200	2.200			-	1.852	4.052	4.052	-	-	-	
6	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Ea Hô - Phú Xuân, huyện Krông Năng	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	1.000	1.000			-	1.293	2.293	2.293	-	-	-	
7	Trụ sở HĐND và UBND xã Phú Xuân, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk; Hàng mục: Nhà làm việc và hạ tầng kỹ thuật đi kèm.	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	3.100	3.100			-	-	3.100	3.100	-	-	-	
8	Dự án mua sắm, lắp đặt thiết bị phục vụ chế biến cà phê và hệ thống cấp đông trái cây cho Hợp Tác xã Ea Tân, huyện Krông Năng	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh							-	-	-	-	-	
9	Cải tạo nâng cấp các trục đường trung tâm thị trấn Krông Năng.	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	3.500	2.400	1.100		-	1.650	5.150	4.050	1.100	-	-	
10	Đường giao thông Tam Bình Tam Thuận xã Cư Klông, huyện Krông Năng	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	1.600	1.600			-	5.694	7.294	7.294	-	-	-	
11	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đội 14, xã Phú Xuân, huyện Krông Năng	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	3.200	1.200	2.000		-	2.500	5.700	3.700	2.000	-	-	
12	Cải tạo đường vào khu du lịch thác Thủy Tiên, xã Ea Púk, huyện Krông Năng	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	5.300	3.300	2.000		-	2.050	7.350	5.350	2.000	-	-	
13	Chương trình mục tiêu quốc gia		4.414	-	1.112	3.302	-	-	-	4.414	-	1.112	3.302	-
	<i>Chương trình XD nông thôn mới</i>		3.302			3.302		-	-	3.302	-	-	3.302	-
	<i>Chương trình DTTS&MN</i>		1.112		1.112			-	-	1.112	-	1.112	-	-
14	Bổ sung ngân sách huyện thực hiện NQ 22/NQ-HĐND tỉnh		8.600		4.600	4.000		-	-	8.600	-	4.600	4.000	-

XV	Huyện Krông Pắc		73.475	32.087	26.168	15.220	-	202	23.401	96.674	55.286	26.168	15.220	-	
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025.		32.087	32.087	-	-	-	202	23.401	55.286	55.286	-	-	-	
1	Cầu thôn 5, xã Vụ Bồn, huyện Krông Pắc	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	4.194	4.194				133	-	4.061	4.061	-	-	-	
2	Đường giao thông quanh bờ hồ, khu du lịch hồ Tân An, thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	-	-				-	487	487	487	-	-	-	
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông trung tâm xã Vụ Bồn, huyện Krông Pắc	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	-	-				-	308	308	308	-	-	-	
4	Trụ sở HĐND & UBND xã Ea Kênh, huyện Krông Pắc	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	-	-				-	188	188	188	-	-	-	
5	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai, xã Tân Tiến, huyện Krông Pắc; hạng mục: Nhà lớp học bộ môn, thiết bị, thư viện và hạ tầng kỹ thuật	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	193	193				69	-	124	124	-	-	-	
6	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông từ trung tâm xã Krông Búk (QL26), huyện Krông Pắc đi xã Cư Huê, huyện Ea Kar	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.000	2.000				-	2.000	4.000	4.000	-	-	-	
7	Hệ thống kênh mương kênh T25, cánh đồng thôn Tân Lợi 1, buôn Đăk Rơ Leang 1, Đăk Rơ Leang 2 xã Ea Uy, huyện Krông Pắc	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	3.000	3.000				-	-	3.000	3.000	-	-	-	
8	Nâng cấp đường Trần Phú, thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.700	2.700				-	3.630	6.330	6.330	-	-	-	
9	Nâng cấp 7 tuyến đường nội thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	3.000	3.000				-	2.535	5.535	5.535	-	-	-	
10	Nâng cấp đường giao thông từ thôn 7, xã Ea Phê đi thôn 19, 20 xã Krông Búk, huyện Krông Pắc	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	5.000	5.000				-	700	5.700	5.700	-	-	-	
11	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông liên xã Ea Kênh huyện Krông Pắc đi xã Cư Bao, thị xã Buôn Hồ	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	4.500	4.500				-	8.043	12.543	12.543	-	-	-	

12	Kiến cổ hóa kênh mương từ trạm bơm Tong Tìng đi cánh đồng hồ Tong Tìng và cánh đồng Hòa Hiệp, buôn Ea Mao, xã Ea Yiêng	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	3.300	3.300			-	1.600	4.900	4.900	-	-	-	
13	Trụ sở HĐND & UBND xã Hòa Tiến, huyện Krông Pắc	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	1.700	1.700			-	3.910	5.610	5.610	-	-	-	
14	Nhà thi đấu thể dục thể thao huyện Krông Pắc	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.500	2.500			-	-	2.500	2.500	-	-	-	
15	Chương trình mục tiêu quốc gia		33.988	-	21.768	12.220	-	-	-	33.988	-	21.768	12.220	-
	<i>Chương trình XD nông thôn mới</i>		31.748		<i>19.528</i>	<i>12.220</i>	-	-	-	31.748	-	19.528	12.220	-
	<i>Chương trình DTTS&MN</i>		2.240		<i>2.240</i>		-	-	-	2.240	-	2.240	-	-
16	Bổ sung ngân sách huyện thực hiện NQ 22/NQ-HĐND tỉnh		7.400		4.400	3.000	-	-	-	7.400	-	4.400	3.000	-
XVI	Huyện Lắk		82.034	44.140	23.064	14.830	-	669	-	81.365	43.471	23.064	14.830	-
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025.		44.140	44.140	-	-	-	669	-	43.471	43.471	-	-	-
1	Nâng cấp via hè, hệ thống điện bờ hồ và Trung tâm huyện phục vụ du lịch hồ Lắk	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	500	500			-	-	500	500	-	-	-	
2	Nhà làm việc các phòng ban chuyên môn UBND huyện Lắk; hạng mục: Nhà làm việc, cổng, tường rào và khuôn viên	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh							-	-	-	-	-	
3	Đầu tư đường trục chính giao thông nội đồng tại cánh đồng lúa Buôn Tung 1 thuộc Hợp tác xã SX và DV NNN Thái Hải, Buôn Triết huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh							-	-	-	-	-	
4	Đường ven hồ Lắk đoạn quanh điểm du lịch buôn Jun, thị trấn Liên Sơn	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	500	500			500	-	-	-	-	-	-	
5	Sửa chữa kênh N2 CTTL Buôn Triết, xã Buôn Triết, huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	7.140	7.140			-	-	7.140	7.140	-	-	-	

6	Thăm nhựa các tuyến đường giao thông nội thị trấn Liên Sơn, huyện Lăk	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.000	2.000				-	-	2.000	2.000	-	-	-	
7	Nâng cấp, mở rộng hoa viên tượng đài chiến thắng huyện Lăk	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	8.000	8.000				-	-	8.000	8.000	-	-	-	
8	Đường giao thông liên xã Đăk Phơi - Đăk Nuê, huyện Lăk	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	9.500	9.500				-	-	9.500	9.500	-	-	-	
9	Đường giao thông liên xã Yang Tao - Đăk Liêng (Km5+500- cuối tuyến), huyện Lăk	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	9.500	9.500			169		-	9.331	9.331	-	-	-	
10	Đường ven hồ Lăk đoạn từ đường liên xã Yang Tao - Đăk Liêng đến buôn Bôk, xã Yang Tao, huyện Lăk	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	7.000	7.000				-	-	7.000	7.000	-	-	-	
11	Chương trình mục tiêu quốc gia		27.194	-	16.364	10.830	-	-	-	27.194	-	16.364	10.830	-	
	<i>Chương trình XD nông thôn mới</i>		10.994		164	10.830		-	-	10.994	-	164	10.830	-	
	<i>Chương trình DTTS&MN</i>		16.200		16.200			-	-	16.200	-	16.200	-	-	
12	Bổ sung ngân sách huyện thực hiện NQ 22/NQ-HĐND tỉnh		10.700		6.700	4.000		-	-	10.700	-	6.700	4.000	-	
XVII	Huyện M'Drăk		50.257	28.991	15.908	5.358	-	-	14.888	65.145	43.879	15.908	5.358	-	
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025.		30.491	28.991	1.500	-	-	-	14.888	45.379	43.879	1.500	-	-	
1	Cầu thôn 9 xã Cư KRôa đi xã Ea M'Doal Huyện M'Drăk	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.875	2.875				-	-	2.875	2.875	-	-	-	
2	Hệ thống điện chiếu sáng nội thị trấn M'Drăk, huyện M'Drăk	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	-	-				-	-	-	-	-	-	-	
3	Nâng cấp đường giao thông từ đường Bùi Thị Xuân Thị trấn M'Drăk đi xã Ea Riêng, huyện M'Drăk	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	-	-				-	-	-	-	-	-	-	

4	Trường THPT Nguyễn Trường Tộ, huyện M'Drắk; Hạng mục: Nhà lớp học bộ môn, thư viện, nhà đa chức năng và hạ tầng kỹ thuật	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	216	216				-	-	216	216	-	-	-	
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Ea Pli đi xã Cư Prao, huyện M'Drắk (Đoạn nối dài)	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.200	2.200				-	1.800	4.000	4.000	-	-	-	
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Ea Trang đi xã Cư San, huyện M'Drắk (lý trình Km0+00 - Km1+720 và Km4+280 - Km6+130)	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	5.600	5.600				-	4.168	9.768	9.768	-	-	-	
7	Đường giao thông nội thị từ Tổ dân phố 8 (nay tổ dân phố 1 mới) đi Tổ dân phố 4 thị trấn M'Drắk, huyện M'Drắk	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.500	2.500				-	-	2.500	2.500	-	-	-	
8	Dự án Đường giao thông Cụm Công nghiệp M'Drắk, huyện M'Drắk	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	12.000	12.000				-	-	12.000	12.000	-	-	-	
9	Nâng cấp đường giao thông từ Quốc lộ 26 đi thôn Ea Bra, xã Ea Trang, huyện M'Drắk	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	4.300	2.800	1.500			-	5.120	9.420	7.920	1.500	-	-	
10	Nâng cấp đường giao thông liên thôn từ buôn M'Jui đi buôn M'ô xã Ea Trang, huyện M'Drắk	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	300	300				-	3.800	4.100	4.100	-	-	-	
11	Cải tạo, nâng cấp đường vành đai phía tây nam Thị trấn M'Drắk, huyện M'Drắk	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	500	500				-	-	500	500	-	-	-	
12	Chương trình mục tiêu quốc gia		9.166	-	6.808	2.358	-	-	-	9.166	-	6.808	2.358	-	
	<i>Chương trình XD nông thôn mới</i>		<i>7.766</i>		<i>6.808</i>	<i>958</i>		-	-	7.766	-	6.808	958	-	
	<i>Chương trình DTTS&MN</i>		-				-	-	-	-	-	-	-	-	
	<i>Chương trình giảm nghèo bền vững</i>		<i>1.400</i>			<i>1.400</i>	-	-	-	1.400	-	-	1.400	-	
13	Bổ sung ngân sách huyện thực hiện NQ 22/NQ-HDND tỉnh		10.600		7.600	3.000		-	-	10.600	-	7.600	3.000	-	

XVIII	Huyện Ea Súp		95.527	51.271	14.611	29.645	-	5.200	14.576	104.903	60.167	15.091	29.645	-	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025		18.000	18.000	-	-	-	5.200	-	12.800	12.800	-	-	-	
1	Công trình thủy lợi Hồ chứa nước Ea Súp thượng, tỉnh Đắk Lắk (phần vốn do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao cho UBND tỉnh quản lý)		-	-				-	-	-	-	-	-	-	
	Gói 41A thuộc dự án: CTTL Hồ chứa nước Ea Súp thượng Hợp phần hệ thống kênh chính Tây	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	9.000	9.000				-	-	9.000	9.000	-	-	-	
	Gói 41B thuộc dự án: CTTL Hồ chứa nước Ea Súp thượng Hợp phần hệ thống kênh chính Tây	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	9.000	9.000				5.200	-	3.800	3.800	-	-	-	
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025.		38.771	33.271	5.500	-	-	-	14.576	53.347	47.367	5.980	-	-	
1	Đường giao thông từ trung tâm xã Ia Jloi đi Lăng Thanh niên lập nghiệp xã Ia Lốp, huyện Ea Súp (từ Km 9+00-Km11+50)	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	-	-				-	-	-	-	-	-	-	
2	Đường giao thông Nguyễn Du, thị trấn Ea Súp, huyện Ea Súp	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	1.900	1.900				-	500	2.400	2.400	-	-	-	
3	Cải tạo, nâng cấp 02 trục đường Lê Hồng Phong, thị trấn Ea Súp, huyện Ea Súp	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	4.000	4.000				-	-	4.000	4.000	-	-	-	
4	Đường giao thông từ trung tâm xã Ia Rvê đi đồn biên phòng 737, xã Ia Rvê, huyện Ea Súp	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh								-	-	-	-	-	
5	Đường giao thông từ xã Ea Lê đi thôn Bình Lợi, xã Cư M'lan, huyện Ea Súp	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	5.000	3.500	1.500			-	2.200	7.200	5.700	1.500	-	-	
6	Đường vào khu phòng thủ SH01 xã Cư Khang, huyện Ea Súp	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	1.000	1.000				-	196	1.196	1.196	-	-	-	
7	Dự án Đường giao thông Cụm Công nghiệp Ea Lê, huyện Ea Súp (Đường số No1, N02, No3, No4),	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	15.471	15.471				-	-	15.471	15.471	-	-	-	

8	Đường giao thông từ Tỉnh lộ 1 đi Làng Thanh niên lập nghiệp xã Ia Lốp, huyện Ea Súp (từ Km80+650 -:- Km83+600)	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	5.200	3.200	2.000			-	4.000	9.200	7.200	2.000	-	-	
9	Đường Chu Văn An - Nơ Trang Long - Hồ Xuân Hương, thị trấn Ea Súp, huyện Ea Súp	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	3.200	1.200	2.000			-	2.500	5.700	3.700	2.000	-	-	
10	Đường GT từ đường liên huyện Ea Súp - Cư Mgar đi khu sản xuất đồng bào dân tộc tại chỗ xã Cư Mlan, huyện Ea Súp	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	700	700				-	1.000	1.700	1.700	-	-	-	
11	Sửa chữa, nâng cấp kênh N8 thuộc hệ thống kênh chính Tây, công trình thủy lợi Ea Súp Thượng	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	500	500				-	3.700	4.200	4.200	-	-	-	
12	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới một số tuyến kênh trên địa bàn xã mới một số tuyến kênh trên địa bàn xã Cư M'lan và xã Ea Bung, huyện Ea Súp	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh							480	480	-	480	-	-	
13	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng các tuyến đường thị trấn Ea Súp.	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	1.800	1.800				-	-	1.800	1.800	-	-	-	
14	Chương trình mục tiêu quốc gia		28.156	-	1.511	26.645	-	-	-	28.156	-	1.511	26.645	-	
	<i>Chương trình XD nông thôn mới</i>		21.345		800	20.545		-	-	21.345	-	800	20.545	-	
	<i>Chương trình DTTS&MN</i>		711		711			-	-	711	-	711	-	-	
	<i>Chương trình giảm nghèo bền vững</i>		6.100			6.100		-	-	6.100	-	-	6.100	-	
15	Bổ sung ngân sách huyện thực hiện NQ 22/NQ-HĐND tỉnh		10.600		7.600	3.000		-	-	10.600	-	7.600	3.000	-	
XIX	Huyện Buôn Đôn		67.432	23.329	22.893	21.210	-	2.700	2.700	67.432	23.329	22.893	21.210	-	
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025.		25.220	23.329	1.891	-	-	2.700	2.700	25.220	23.329	1.891	-	-	
1	Đường giao thông trục chính vào khu du lịch sinh thái Buôn Đôn, xã Krông Na	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	500	500				-	-	500	500	-	-	-	

2	Dự án Nâng cấp, cải tạo hệ thống kênh tưới cánh đồng Mẫu Lớn, xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn:	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	391	-	391			-	-	391	-	391	-	-	
3	Đầu tư xây dựng đập dâng khắc phục tình trạng cạn kiệt nguồn nước đoạn sông Srêpôk đi qua Khu du lịch Buôn Đôn	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	-	-				-	-	-	-	-	-	-	
4	Mua sắm, lắp đặt thiết bị, vật tư, hệ thống chuồng lạnh trang chăn nuôi gà cho Hợp tác xã sản xuất kinh doanh nông nghiệp Quàn Vương Đắk Lắk, huyện Buôn Đôn	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh								-	-	-	-	-	
5	Trạm bơm Buôn Trí, xã Krông Na, huyện Buôn Đôn	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	529	529				-	-	529	529	-	-	-	
6	Đường giao thông liên xã từ Đập Thiên Đường, xã Tân Hòa đi thôn Ea Ly, xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	-	-				-	-	-	-	-	-	-	
7	Kiên cố hóa kênh tưới cánh đồng đồi cao, cánh đồng 19/3, xã Ea Bar, huyện Buôn Đôn	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	7.000	5.500	1.500			-	-	7.000	5.500	1.500	-	-	
8	Chỉnh trang đô thị trung tâm huyện Buôn Đôn	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.700	2.700				2.700	-	-	-	-	-	-	
9	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ Tỉnh lộ 1 vào khu du lịch Thanh Hà (Thác 7 nhánh), xã Ea Huar, huyện Buôn Đôn	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.100	2.100				-	-	2.100	2.100	-	-	-	
10	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn đi xã Hoà Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	4.000	4.000				-	2.700	6.700	6.700	-	-	-	
11	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ Km2+500 Tỉnh lộ 1, xã Ea Nuôl huyện Buôn Đôn đi xã Hòa Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	4.000	4.000				-	-	4.000	4.000	-	-	-	
12	Hội trường liên cơ quan huyện Buôn Đôn	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	4.000	4.000				-	-	4.000	4.000	-	-	-	
13	Chương trình mục tiêu quốc gia		31.612	-	13.402	18.210	-	-	-	31.612	-	13.402	18.210	-	

	Chương trình XD nông thôn mới		22.990		4.780	18.210		-	-	22.990	-	4.780	18.210	-	
	Chương trình DTTS&MN		8.622		8.622			-	-	8.622	-	8.622	-	-	
14	Bổ sung ngân sách huyện thực hiện NQ 22/NQ-HĐND tỉnh		10.600		7.600	3.000		-	-	10.600	-	7.600	3.000	-	
XX	Thị xã Buôn Hồ		60.845	31.100	20.918	8.827	-	8.449	13.752	66.148	31.403	25.918	8.827	-	
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025.		31.100	31.100	-	-	-	8.449	13.752	36.403	31.403	5.000	-	-	
1	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng các tuyến đường thị xã Buôn Hồ	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	8.000	8.000				8.000	-	-	-	-	-	-	
2	Nâng cấp, cải tạo một số trục đường, phường Thống Nhất, thị xã Buôn Hồ	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	-	-				-	-	-	-	-	-	-	
3	Nâng cấp, cải tạo đường Hoàng Quốc Việt, phường Đoàn Kết, thị xã Buôn Hồ	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	300	300				206	-	94	94	-	-	-	
3	Nâng cấp mở rộng đường Lê Quý Đôn, phường An Bình, thị xã Buôn Hồ	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	-	-				-	-	-	-	-	-	-	
4	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông từ xã Ea Blang đi xã Ea Siên, thị xã Buôn Hồ	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.900	2.900				-	2.500	5.400	5.400	-	-	-	
5	Trụ Sở làm việc khối mặt trận và các đoàn thể TX Buôn Hồ	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.700	2.700				-	3.400	6.100	6.100	-	-	-	
6	Nâng cấp, cải tạo hồ Hà Cò, phường Bình Tân, thị xã Buôn Hồ	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	7.600	7.600				243	-	7.357	7.357	-	-	-	
7	Đường Hải Triều, phường Đạt Hiếu (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đầu nối ra Quốc lộ 14)	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.100	2.100				-	-	2.100	2.100	-	-	-	
8	Nâng cấp, cải tạo đường Nơ Trang Long, thị xã Buôn Hồ	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	4.000	4.000				-	2.500	6.500	6.500	-	-	-	

9	Cải tạo, nâng cấp đường Phù Đồng Thiên Vương, phường Thống Nhất, thị xã Buôn Hồ đi xã Ea Tul, huyện Cư M'gar	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	3.500	3.500				-	5.000	8.500	3.500	5.000	-	-	
10	Đường vào khu hành chính phường Bình Tân, thị xã Buôn Hồ	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	-					-	-	-	-	-	-	-	
11	Đường trục chính vào trung tâm xã Ea Drông, tỉnh Đắk Lắk	UBND xã Ea Drông	-					-	352	352	352	-	-	-	
12	Chương trình mục tiêu quốc gia		22.345	-	16.518	5.827	-	-	-	22.345	-	16.518	5.827	-	
	<i>Chương trình XD nông thôn mới</i>		22.187		16.360	5.827		-	-	22.187	-	16.360	5.827	-	
	<i>Chương trình DTTS&MN</i>		158		158			-	-	158	-	158	-	-	
13	Bổ sung ngân sách huyện thực hiện NQ 22/NQ-HĐND tỉnh		7.400		4.400	3.000		-	-	7.400	-	4.400	3.000	-	
XXI	Văn phòng Tỉnh ủy		2.600	2.600	-	-	-	-	-	2.600	2.600	-	-	-	
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 -2025	Văn phòng Tỉnh ủy	2.600	2.600				-	-	2.600	2.600	-	-	-	
XXII	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch		3.250	346	2.904	-	-	-	7.000	10.250	7.346	2.904	-	-	
1	Chỉnh trang khuôn viên Bảo tàng tỉnh và Di tích Biệt Điện Bảo Đại	Sở VH TT và DL	346	346				-	-	346	346	-	-	-	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Nhà đày Buôn Ma Thuột	Sở VH TT và DL	2.000		2.000			-	7.000	9.000	7.000	2.000	-	-	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia		904	-	904	-	-	-	-	904	-	904	-	-	
	<i>Chương trình DTTS&MN</i>		904		904			-	-	904	-	904	-	-	
XXIII	Sở Nội vụ		300	300	-	-	-	-	-	300	300	-	-	-	
1	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Đắk Lắk (GD 1)	Sở Nội vụ	300	300				-	-	300	300	-	-	-	

XXIV	Sở Lao động Thương binh và Xã hội (cũ)		13.258	791	11.467	1.000	-	-	-	13.258	791	11.467	1.000	-	
1	Cải tạo, chỉnh trang và xây dựng mới một số hạng mục tại Nghĩa trang cán bộ tỉnh Đắk Lắk	Sở Nội vụ	367	200	167			-	-	367	200	167	-	-	
2	Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục Nghĩa trang liệt sỹ tỉnh Đắk Lắk	Sở Nội vụ	591	591				-	-	591	591	-	-	-	
3	Cơ sở bảo trợ xã hội, chăm sóc phục hồi chức năng cho người tâm thần, rối nhiễu tâm trí tỉnh Đắk Lắk	Sở Y Tế	11.300		11.300			-	-	11.300	-	11.300	-	-	
4	Chương trình mục tiêu quốc gia		1.000	-	-	1.000	-	-	-	1.000	-	-	1.000	-	
	Chương trình giảm nghèo bền vững		1.000			1.000		-	-	1.000	-	-	1.000	-	
XXV	Sở Giáo dục và Đào tạo		10.900	-	10.900	-	-	-	-	10.900	-	10.900	-	-	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia		10.900	-	10.900	-	-	-	-	10.900	-	10.900	-	-	
	Chương trình DTTS&MN	Sở Giáo dục và Đào tạo	10.900		10.900			-	-	10.900	-	10.900	-	-	
XXVI	Sở Tài chính		1.000	1.000	-	-	-	320	-	680	680	-	-	-	
1	Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Sở Tài chính	1.000	1.000				320	-	680	680	-	-	-	
XXVII	Sở Nông nghiệp và Môi trường		5.797	2.500	3.297	-	-	-	-	5.797	2.500	3.297	-	-	
1	Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, tỉnh Đắk Lắk	Sở NN&MT	2.500	2.500				-	-	2.500	2.500	-	-	-	
2	Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+ tại tỉnh Đắk Lắk	Sở NN&MT	3.297		3.297			-	-	3.297	-	3.297	-	-	
XXVII I	Sở Xây dựng		3.047	-	3.047	-	-	-	-	3.047	-	3.047	-	-	

1	Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh Đắk Lắk	Sở Xây dựng	3.047		3.047			-	-	3.047	-	3.047	-	-	
XXIX	Thực hiện các nội dung khác		1.771.000	-	1.771.000	-	-	150.700	50.000	1.670.300	-	1.670.300	-	-	
1	Bổ sung Quỹ phát triển đất (5%)		137.000		137.000			137.000	-	-	-	-	-	-	
2	Đo đạc, đăng ký quản lý đất đai (10%)		274.000		274.000			13.700	-	260.300	-	260.300	-	-	
3	Hoàn trả vốn ứng và chi phí ứng vốn cho Quỹ phát triển đất							50.000	50.000	-	50.000	-	-	-	
4	Thực hiện các dự án đầu tư Huyện, thị xã, thành phố (cũ) quản lý		1.360.000		1.360.000			-	-	1.360.000	-	1.360.000	-	-	
B	THÔNG BÁO SAU CHƯA PHÂN BỐ		347.046		292.446		54.600	147.107	-	199.939	-	145.339	-	54.600	
1	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa - Thể thao huyện Krông Buk; Hạng mục: Nhà biểu diễn 500 chỗ và hạ tầng kỹ thuật		2.100		2.100			2.100		-		-		-	
2	Ứng dụng công nghệ cao trong công tác quản lý, giám sát tài nguyên rừng tỉnh Đắk Lắk		3.000		3.000					3.000		3.000		-	
3	Xây dựng đường tuần tra khu bảo tồn thiên nhiên Ea Sô (đoạn từ trạm số 5 đến trạm số 6)		4.000		4.000					4.000		4.000		-	
4	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB)		11.775		11.775					11.775		11.775		-	
5	Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+ tại tỉnh Đắk Lắk		13.382		13.382					13.382		13.382		-	
6	Khu di tích lịch sử Sở Chỉ huy - Nơi công bố Quyết định thành lập Quân đoàn 3		2.000		2.000			2.000		-		-		-	
7	Dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Đắk Lắk		30.000		30.000					30.000		30.000		-	
8	Bổ trí vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến khởi công mới trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và một số nội dung phát sinh khác		216.953		216.953			143.307		73.646		73.646		-	
9	Nguồn vốn thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia		9.236		9.236					9.236		9.236		-	

Phụ lục IV
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(SAU ĐIỀU CHỈNH)
(Kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2025 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	QĐ đầu tư/QĐ chủ trương đầu tư		Kế hoạch vốn 2025 đã giao							Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn 2025 sau điều chỉnh						Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó							Tổng số	Trong đó					
				Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: NSDP (NS tính)		Bội chi ngân sách địa phương	Tăng thu, tiết kiệm chi	Cán đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết				Bội chi ngân sách địa phương	Tăng thu, tiết kiệm chi	Cán đối ngân sách địa phương	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
	TỔNG SỐ			15.042.325	10.821.996	3.224.801	122.700	860.928	458.420	1.612.753	170.000	495.022	294.169	3.023.948	122.700	860.928	436.707	1.468.158	135.455	
A	KHỐI TÍNH QUẢN LÝ			14.428.340	10.407.476	1.548.263	96.000	743.621	274.389	354.753	79.500	370.108	294.169	1.472.324	96.000	764.961	252.676	223.232	135.455	
I	Quốc phòng			171.977	171.977	31.362	-	31.362	-	-	-	-	48.632	79.994	-	31.362	21.925	-	26.707	
1	Đường hầm Sờ Chi huy cơ bản huyện Tây Hòa	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	số 01/NQ-HĐND ngày 01/11/2022	40.271	40.271	10.000		10.000		-		-		10.000	-	10.000	-	-	-	
2	Dự án xây dựng nhà tưởng niệm nơi thành lập LLVT tỉnh Phú Yên	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	số 62/NQ-HĐND ngày 09/12/2023	14.831	14.831	5.000		5.000		-		-	2.790	7.790	-	5.000	2.790	-	-	
3	Xây dựng doanh trại, kho, khu vực neo đậu tàu thuyền cho Hải đội Dân quân thường trực thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Phú Yên	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	số 29/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	116.875	116.875	16.362		16.362		-		-	45.842	62.204	-	16.362	19.135	-	26.707	
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội			173.000	173.000	124.954	-	85.000	39.954	-	-	-	-	124.954	-	85.000	39.954	-	-	
1	Đầu tư lắp đặt hệ thống Camera giám sát, xử lý vi phạm và phục vụ công tác bảo đảm an ninh trật tự trên tuyến QL.25, QL.29	Công an tỉnh	số 57/NQ-HĐND ngày 18/11/2022; 1836/QĐ-UBND 29/12/2023	38.000	38.000	21.433			21.433			-		21.433	-	-	21.433	-	-	

2	Xây dựng cơ sở làm việc Công an các xã trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	174/QĐ-UBND ngày 04/5/2024	135.000	135.000	103.521		85.000	18.521	-		-		103.521	-	85.000	18.521	-	-	
III	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			478.994	478.994	172.857	-	30.000	23.657	60.000	59.200	38.000	12.000	146.857	-	30.000	23.657	32.000	61.200	
1	Trường THPT chuyên Văn Chánh	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	2062/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	214.240	214.240	84.893		23.657	20.000	41.236	-		84.893	-	-	23.657	20.000	41.236		
2	Đầu tư cơ sở vật chất Trường trung học phổ thông Lê Thành Phương	BQL các DA ĐTXD KV phía Đông											12.000	12.000	-	-	-	-	12.000	
3	Trường THPT Nguyễn Tộ	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	số 70/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	96.880	96.880	30.464			25.000	5.464	25.000		5.464	-	-	-	-	5.464		
4	Trường THPT Trần Bình Trọng, huyện Phú Hòa	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	số 40/NQ-HĐND ngày 15/10/2021 của HĐND tỉnh	78.529	78.529	10.000				10.000	10.000		-	-	-	-	-	-		
5	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa một số hạng mục Trường trung học phổ thông Nguyễn Huệ	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	số 69/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	43.889	43.889	22.500		15.000	5.000	2.500	-		22.500	-	15.000	-	5.000	2.500		
6	Đầu tư cơ sở vật chất Trường trung học phổ thông Trần Phú	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	số 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	45.456	45.456	25.000		15.000	10.000	3.000			22.000	-	15.000	-	7.000	-		
IV	Văn hóa, thông tin			71.843	71.843	31.500	-	4.000	14.000	1.000	12.500	23.000	-	8.500	-	4.000	3.000	1.000	500	
1	Nhà lưu niệm Luật sư Nguyễn Hữu Thọ	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	18/QĐ-SKHĐT ngày 14/02/2020; 1760/QĐ-UBND ngày 19/12/2024	14.958	14.958	5.000		4.000	1.000	-			5.000	-	4.000	-	1.000	-		
2	Dự án Trưng bày bảo tàng tỉnh giai đoạn 2	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		41.989	41.989	12.500				12.500	12.000		500	-	-	-	-	500		
3	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa diễn hồng	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	02/QĐ-SKHĐT ngày 10/01/2025	14.896	14.896	14.000		14.000			11.000		3.000	-	-	3.000	-	-		

V	Các hoạt động kinh tế			11.090.987	8.374.667	797.104	-	483.598	62.551	250.955	-	237.527	179.798	739.375	-	500.384	49.009	189.434	548	
V.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			4.016.901	3.165.969	237.523	-	161.515	11.500	64.508	-	42.029	57.200	252.694	-	179.500	33.782	39.412	-	
1	Kê chống sạt lở, bồi lấp cửa Đà Diên	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	2034/QĐ-UBND ngày 26/10/2018; 1702/QĐ-UBND 18/12/2023	799.740	655.208	80.000		60.000		20.000		20.000		60.000	-	60.000	-	-	-	
2	Kê chống xói lở bờ tả sông Bàn Thạch đoạn từ Phú Đa đến cầu Bàn Thạch, thị xã Đông Hòa	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	2231/QĐ-UBND, 31/12/2020; 1679/QĐ-UBND 13/12/2023	199.939	49.939	1.200				1.200		1.200		-	-	-	-	-	-	
3	Kê chống xói lở ven bờ biển khu vực Xóm Rổ, phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa (giai đoạn 2)	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	2152/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 1678/QĐ-UBND 13/12/2023	239.998	63.598	2.000		2.000		-		-	5.000	7.000	-	7.000	-	-	-	
4	Kê chống sạt lở bờ tả sông Ba kết hợp với phát triển hạ tầng đô thị đoạn từ cầu Đà Răng mới đến cầu Đà Răng cũ	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	2016/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 1401/QĐ-UBND ngày 13/8/2020; 91/QĐ-UBND 07/02/2023	954.000	854.000	7.000		4.000		3.000		-	10.400	17.400	-	14.400	-	3.000	-	
5	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Đông Tác	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk		85.847	85.847								394	394	-	394	-	-	-	
6	Hồ chứa nước Lỗ Chải	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk		2.591	2.591								2.191	2.191	-	2.191	-	-	-	
7	Kê chống sạt lở bờ sông Ba khu vực thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa, khu vực thôn Phú Sen, huyện Phú Hòa và khu vực phường 6, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND, ngày 22/6/2022	245.000	65.000	11.500			11.500			829	-	10.671	-	-	10.671	-	-	
8	Sửa chữa, nâng cấp công trình kênh mương thuộc Công ty TNHH MTV Thủy nông Đồng Cam	Công ty TNHH MTV Thủy Nông Đồng Cam											9.215	9.215	-	-	9.215	-	-	
9	Xử lý khẩn cấp, khắc phục sạt lở bờ biển An Mỹ - An Chấn	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	885/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	199.900	99.900	20.000				20.000		-	30.000	50.000	-	-	13.896	36.104	-	

10	Kê chống sụt lở bờ tả sông Ba kết hợp phát triển hạ tầng đô thị đoạn qua thôn Vĩnh Phú, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	1800/QĐ-UBND ngày 13/10/2020	1.271.817	1.271.817	112.515		92.515		20.000		20.000		92.515	-	92.515	-	-	-
11	Trồng rừng ngập mặn khu vực Đầm Ô Loan, huyện Tuy An	Sở Nông nghiệp và Môi trường	235/NQ-HĐND, 27/3/2020	18.069	18.069	3.308		3.000		308		-		3.308	-	3.000	-	308	-
V.2	Giao thông			3.090.267	2.775.342	159.000	-	120.000	-	39.000	-	-	102.598	261.598	-	126.467	14.427	120.704	-
1	Nút giao thông khác mức đường Hùng Vương - Quốc lộ 1	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	639/QĐ-UBND ngày 02/05/2019	752.703	752.703	90.000		70.000		20.000		-	40.000	130.000	-	70.000	11.829	48.171	-
2	Tuyến đường số 14 (đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Độc Lập, thành phố Tuy Hòa)	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	1763/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	238.485	238.485	15.000		15.000		-		-	35.000	50.000	-	21.467	-	28.533	-
3	Nút giao thông khác mức đường số 2 khu đô thị Nam thành phố Tuy Hòa - đường Nguyễn Văn Linh	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk		556.296	556.296								6.141	6.141	-	-	2.141	4.000	-
4	Nâng cấp, sửa chữa đường 24/3 (đoạn từ sân vận động 24/3 đến giao Quốc lộ 19C)	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk		44.925	30.000								457	457	-	-	457	-	-
5	Đường Trần Phú nối dài và hạ tầng kỹ thuật (giai đoạn 1)	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	611/QĐ-UBND ngày 17/4/2020	864.386	864.386	30.000		30.000		-		-	21.000	51.000	-	30.000	-	21.000	-
6	Tuyến đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn nối các huyện, thành phố: Tây Hòa, Phú Hòa, thành phố Tuy Hòa và Tuy An (giai đoạn 2)	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	1324/QĐ-UBND ngày 29/7/2020; 1786/QĐ-UBND 27/12/2023	344.777	194.777	15.000		5.000		10.000		-		15.000	-	5.000	-	10.000	-
7	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư phía Đông đường Hùng Vương (đoạn từ đường Trần Hào đến đường N7b) thành phố Tuy Hòa	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	165/NQ-HĐND ngày 12/7/2019; 882/QĐ-UBND ngày 12/7/2023	88.695	88.695	4.000				4.000		-		4.000	-	-	-	4.000	-

8	Đường Nguyễn Văn Huyền giai đoạn 2 (đoạn từ đường công trường Đại học Phú Yên đến đường Trần Hào và một số đoạn nối từ đường Hùng Vương - đường Nguyễn Văn Huyền)	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				-							-	-	-	-	-	-	
9	Xây dựng một số đoạn kè chống xói lở bờ hữu sông Bàn Thạch kết hợp với đường giao thông, đoạn từ cầu Bàn Thạch đi cầu Bến Lớn	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	25/NQ-HĐND, ngày 11/8/2021	200.000	50.000	5.000				5.000			-	5.000	-	-	-	5.000	-
V.3	Khu công nghiệp và Khu kinh tế			2.489.171	938.708	324.781	-	162.083	50.251	112.447	-	178.698	-	146.083	-	146.083	-	-	-
1	Tuyến đường Phước Tấn - Bãi Ngà đoạn qua nhà máy lọc dầu Vũng Rô	Ban quản lý Khu kinh tế Phú Yên	1785/QĐ-UBND ngày 31/10/2014, 406/QĐ-UBND, 18/3/2021; 1797/QĐ-UBND 28/12/2023	489.003	138.540	115.000		115.000		-		16.000		99.000	-	99.000	-	-	-
2	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phía Nam thuộc khu đô thị mới Nam thành phố Tuy Hòa	Ban quản lý Khu kinh tế Phú Yên	2056/QĐ-UBND 29/10/2018; 155/QĐ-UBND ngày 07/02/2025	395.918	395.918	50.083		32.083		18.000		18.000		32.083	-	32.083	-	-	-
3	Khu công viên trung tâm thuộc Khu đô thị mới Nam thành phố Tuy Hòa	Ban quản lý Khu kinh tế Phú Yên	1762/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 1606/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	197.250	197.250	15.000		15.000		-		-		15.000	-	15.000	-	-	-
4	Tuyến đường giao thông từ Cảng Bãi Gốc (Khu Kinh tế Nam Phú Yên, tỉnh Phú Yên) kết nối Quốc lộ 1 đi Khu Kinh tế Vân Phong (tỉnh Khánh Hòa)	Ban quản lý Khu kinh tế Phú Yên	650/QĐ-UBND, 13/5/2021	1.407.000	207.000	144.698			50.251	94.447		144.698		-	-	-	-	-	-
V.4	Công trình công cộng tại các đô thị			1.368.399	1.368.399	60.000	-	35.000	-	25.000	-	16.800	-	43.200	-	35.000	-	8.200	-
1	Hồ điều hoà Hồ Sơn và hạ tầng xung quanh	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	563/QĐ-UBND ngày 16/4/2019	400.000	400.000	30.000		30.000		-		-		30.000	-	30.000	-	-	-

2	Dự án Công viên ven biển thành phố Tuy Hoà (đoạn từ cảng cá phường 6 đến đường Nguyễn Huệ và đoạn từ Khu resort Thuận Tháo đến Hội Nông Dân Tỉnh)	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	2100/QĐ-UBND 30/10/2017; 1709/QĐ-UBND 23/10/2019; 1680/QĐ-UBND 13/12/2023	921.130	921.130	15.000			15.000		11.800		3.200	-	-	-	3.200	-	
3	Đầu tư cơ sở hạ tầng các khu đất ký hiệu CC1 và CC3 phía đông đường Hùng Vương, xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	37/NQ-HĐND ngày 18/10/2023	47.269	47.269	15.000		5.000	10.000		5.000		10.000	-	5.000	-	5.000	-	
V.7	Cấp nước, thoát nước			126.249	126.249	15.800	-	5.000	800	10.000	-	-	20.000	35.800	-	13.334	800	21.118	548
1	Đầu tư hệ thống tuyến thu gom nước thải tại một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Tuy Hòa	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	1406/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	126.249	126.249	15.800		5.000	800	10.000		-	20.000	35.800	-	13.334	800	21.118	548
VI	Khoa học, công nghệ			519.926	225.926	20.000	-	20.000	-	-	-	-	10.000	30.000	-	30.000	-	-	-
1	Dự án: Đầu tư cơ sở hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên (giai đoạn 1)	Ban quản lý khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	2142/QĐ-UBND ngày 30/10/2015, 481/QĐ-UBND ngày 05/4/2022; 1617/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	519.926	225.926	20.000		20.000	-		-	10.000	30.000	-	30.000	-	-	-	
VII	Y tế, dân số và gia đình			781.849	581.849	36.000	-	-	4.000	32.000	-	32.000	33.700	37.700	-	-	4.000	-	33.700
1	Trung tâm chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	57/QĐ-UBND 19/1/2023	28.566	28.566	4.000		4.000			-	1.700	5.700	-	-	4.000	-	1.700	
2	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Phú Yên	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	191/NQ-HĐND, ngày 06/12/2019; 26/NQ-HĐND, ngày 11/8/2021	753.283	553.283	32.000			32.000		32.000	32.000	32.000	-	-	-	-	32.000	
VIII	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội			34.000	34.000	10.000	-	-	-	10.000	-	10.000	5.039	5.039	-	-	5.039	-	-
1	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc văn phòng UBND tỉnh	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk										5.039	5.039	-	-	5.039	-	-	

2	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	số 39/NQ-HĐND ngày 16/9/2022 của HĐND tỉnh	34.000	34.000	10.000				10.000		10.000	-	-	-	-	-	-	
IX	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật			1.105.764	295.220	324.486	96.000	89.661	130.227	798	7.800	29.581	5.000	299.905	96.000	84.215	106.092	798	12.800
IX.1	Bổ trí thanh toán nợ các dự án phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành					45.775	-	20.775	25.000	-	-	2.419	-	43.356	-	18.356	25.000	-	-
a	Phân bổ sau					2.419		2.419				2.419		-	-	-	-	-	-
b	Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành					43.356		18.356	25.000	-	-	-		43.356	-	18.356	25.000	-	-
1	Hồ chứa nước Mỹ Lâm	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				2.037			2.037			-		2.037	-	-	2.037	-	-
2	Kê chống xói lở bờ Sông Ba đoạn qua thị trấn Phú Thứ huyện Tây Hòa	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				19			19			-		19	-	-	19	-	-
3	Hệ thống kê chống xói lở hạ lưu sông Tam Giang	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				65			65			-		65	-	-	65	-	-
4	Đường Nguyễn Văn Huyền giai đoạn 3 (đoạn từ đường Trần Hào đến đường số 14 và một số đoạn nối từ đường Hùng Vương - đường Nguyễn Văn Huyền)	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				94			94			-		94	-	-	94	-	-
5	Sửa chữa, nâng cấp Trung tâm chuyên khoa Đa Liễu tỉnh Phú Yên	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				856			856			-		856	-	-	856	-	-
6	Trường THPT Nguyễn Công Trứ, thị xã Đông Hòa	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				672			672			-		672	-	-	672	-	-
7	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Xuân Bình, Suối Vực	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				358			358			-		358	-	-	358	-	-

8	Dự án Chống xói lở bờ Nam hạ lưu sông Đà Rằng	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				3.254			3.254			-		3.254	-	-	3.254	-	-	
9	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Phú Yên	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				1.445			1.445			-		1.445	-	-	1.445	-	-	
10	Trường THCS và THPT Võ Thị Sáu, huyện Tuy An	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				3.033			3.033			-		3.033	-	-	3.033	-	-	
11	Tiểu dự án: Sửa chữa, nâng cao an toàn đập tỉnh Phú Yên	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				2.186			2.186			-		2.186	-	-	2.186	-	-	
12	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai, huyện Tây Hòa	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				125			125			-		125	-	-	125	-	-	
13	Gia cố tạm thời bờ Bắc công trình Chính trị cửa sông Đa Nồng	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				46			46			-		46	-	-	46	-	-	
14	Sửa chữa, nâng cấp công trình Chính trị cửa sông Đa Nồng (giai đoạn I)	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				8.328		8.328				-		8.328	-	8.328	-	-	-	
15	Hạ tầng khu tái định cư Hoà Tâm thuộc khu kinh tế Nam Phú Yên	Ban quản lý Khu kinh tế Phú Yên				13.295		10.028	3.267			-		13.295	-	10.028	3.267	-	-	
16	San nền Khu tri thức và đầu tư đoạn đường số 06, đoạn đường Phan Chu Trinh thuộc Khu đô thị mới Nam Thành phố Tuy Hòa	Ban quản lý Khu kinh tế Phú Yên				1.148			1.148			-		1.148	-	-	1.148	-	-	
17	Chi phí chuẩn bị đầu tư dùng thực hiện của dự án Trung tâm chuyên khoa Da Liễu tỉnh Phú Yên	Sở Y tế				14			14			-		14	-	-	14	-	-	

18	Chi phí chuẩn bị đầu tư dùng thực hiện của dự án Nâng cấp, cải tạo, mở rộng quy mô Bệnh viện điều dưỡng và phục hồi chức năng tỉnh	Sở Y tế				83			83			-		83	-	-	83	-	-	
19	Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Tài chính				4.532			4.532			-		4.532	-	-	4.532	-	-	
20	Xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện Bộ CHQS tỉnh Phú Yên/QK5	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh				76			76			-		76	-	-	76	-	-	
21	Cải tạo sửa chữa và mua sắm thiết bị Trung tâm kỹ thuật Tổng hợp-Hướng nghiệp tỉnh Phú Yên	Sở Giáo dục và Đào tạo				59			59			-		59	-	-	59	-	-	
22	Sửa chữa trụ sở Tỉnh đoàn Phú Yên	Tỉnh đoàn Phú Yên				210			210			-		210	-	-	210	-	-	
23	Cải tạo, sửa chữa cơ sở làm việc Trung tâm dịch vụ việc làm Thanh niên tỉnh Phú Yên	Tỉnh đoàn Phú Yên				13			13			-		13	-	-	13	-	-	
24	Sửa chữa Trung tâm hoạt động Thanh thiếu nhi Phú Yên	Tỉnh đoàn Phú Yên				103			103			-		103	-	-	103	-	-	
25	Công trình cấp nước xã Suối Trai và xã Eacharang, huyện Sơn Hoà, tỉnh Phú Yên.	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				182			182			-		182	-	-	182	-	-	
26	Xây dựng Cầu bến Nhiều, xã Hòa Mỹ Tây, huyện Tây Hòa	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				1.123			1.123			-		1.123	-	-	1.123	-	-	
IX.2	Chương trình hỗ trợ kinh tế tập thể, hợp tác xã			31.283	31.153	29.484	-	29.484	-	-	-	3.027	-	26.457	-	26.457	-	-	-	
1	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm phục vụ hoạt động của các hợp tác xã trên địa bàn thành phố Tuy Hòa	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	26/NQ-HĐND ngày 16/7/2024 của HĐND TP Tuy Hòa	4.539	4.539	4.539		4.539		-		-		4.539	-	4.539	-	-	-	

2	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm phục vụ hoạt động của các hợp tác xã trên địa bàn thị xã Đông Hòa	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	75/NQ-HĐND ngày 17/10/2024	3.388	3.388	3.093		3.093		-		-		3.093	-	3.093	-	-	-	
3	Xây dựng công trình thủy lợi và giao thông nội đồng thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Đông Xuân	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	2791/QĐ-UBND ngày 11/9/2024 của UBND huyện Đông Xuân	3.236	3.176	3.176		3.176		-		-		3.176	-	3.176	-	-	-	
4	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm phục vụ hoạt động của các hợp tác xã trên địa bàn huyện Phú Hoà	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	25/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 của HĐND huyện Phú Hòa	4.833	4.833	4.400		4.400		-		2.900		1.500	-	1.500	-	-	-	
5	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm phục vụ hoạt động của các hợp tác xã trên địa bàn huyện Sơn Hòa	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	31/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của HĐND huyện Sơn Hòa	2.882	2.882	2.881		2.881		-		-		2.881	-	2.881	-	-	-	
6	Dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng hỗ trợ Kinh tế tập thể, Hợp tác xã trên địa bàn huyện Sông Hinh	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	15/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của HĐND huyện Sông Hinh	3.495	3.495	2.800		2.800		-		-		2.800	-	2.800	-	-	-	
7	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm phục vụ hoạt động của các hợp tác xã trên địa bàn huyện Tây Hòa	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	173/NQ-HĐND ngày 05/7/2024 của HĐND huyện Tây Hòa	3.665	3.595	3.595		3.595		-		127		3.468	-	3.468	-	-	-	
8	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm phục vụ hoạt động của các Hợp tác xã (HTX) trên địa bàn huyện Tuy An	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	19/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của HĐND huyện Tuy An	5.245	5.245	5.000		5.000		-		-		5.000	-	5.000	-	-	-	
IX.3	Hỗ trợ chương trình MTQG					39.000	-	38.202	-	798	-	-	-	39.000	-	38.202	-	798	-	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển Kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Sở Dân tộc và Tôn giáo				14.000		14.000		-		-		14.000	-	14.000	-	-	-	

2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	Sở Nông nghiệp và Môi trường				25.000		24.202		798		-		25.000	-	24.202	-	798	-	
IX.4	Chuẩn bị đầu tư khối tỉnh					36.227	-	-	36.227	-	-	24.135	5.000	17.092	-	-	12.092	-	5.000	
a	Phân bổ sau					24.135			24.135			24.135	-	-	-	-	-	-	-	
b	Các dự án đã phê duyệt nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư					12.092	-	-	12.092	-	-	-	5.000	17.092	-	-	12.092	-	5.000	
1	Sửa chữa, thay mới 03 cánh cửa van tràn xả lũ hồ chứa nước Phú Xuân	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				500			500			-		500	-	-	500	-	-	
2	Sửa chữa, nâng cấp công trình kè Bạch Đằng (đoạn từ cầu Hùng Vương đến cảng cá Phường 6)	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				2.000			2.000			-		2.000	-	-	2.000	-	-	
3	Hạ tầng khu đô thị Bắc Trần Phú - Nguyễn Hữu Thọ, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				500			500			-		500	-	-	500	-	-	
4	Đường Nguyễn Hữu Thọ (đoạn phía Tây Bệnh viện Đa khoa tỉnh đến đường Nguyễn Trãi và đoạn từ đường Lê Thành Phương nối dài đến đường Nguyễn Tất Thành)	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				1.000			1.000			-	5.000	6.000	-	-	1.000	-	5.000	
5	Xây dựng cơ sở hạ tầng tại các Khu đất ký hiệu DL1 và 19, thành phố Tuy Hòa	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				4.800			4.800			-		4.800	-	-	4.800	-	-	
6	Tôn tạo cảnh quan di tích đền thờ Lương Văn Chánh	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				1.000			1.000			-		1.000	-	-	1.000	-	-	
7	Tuyến đường dẫn kết nối Tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam với đường Nguyễn Hữu Thọ, đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường Nguyễn Tất Thành	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				140			140			-		140	-	-	140	-	-	

8	Tuyến đường dẫn kết nối từ nút giao QL1 - Tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đoạn qua huyện Tuy An với Tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên (tuyến đường tỉnh lộ ĐT.641 nối dài)	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				89			89			-		89	-	-	89	-	-	
9	Tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên, đoạn kết nối thị xã Sông Cầu - huyện Tuy An	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				178			178			-		178	-	-	178	-	-	
10	Dầu tư cơ sở vật chất Trường THPT Lê Hồng Phong	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				110			110			-		110	-	-	110	-	-	
11	Hạ tầng khu khu đất phục vụ thiết chế Công đoàn thuộc Khu kinh tế Nam Phú Yên	Ban quản lý Khu kinh tế Phú Yên				66			66			-		66	-	-	66	-	-	
12	Hạ tầng khu Khu đất nhà ở xã hội thuộc Khu đô thị mới Nam thành phố Tuy Hòa	Ban quản lý Khu kinh tế Phú Yên				140			140			-		140	-	-	140	-	-	
13	Trung bày bảo tàng tỉnh Phú Yên giai đoạn 2	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch				376			376			-		376	-	-	376	-	-	
14	Trung bày nhà lưu niệm Luật sư Nguyễn Hữu Thọ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch				307			307			-		307	-	-	307	-	-	
15	Xây dựng cơ sở làm việc công an 28 xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Công an tỉnh				683			683			-		683	-	-	683	-	-	
16	Dầu tư sửa chữa, nâng cấp, mở rộng một số hạng mục cấp thiết Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên	Sở Y tế				203			203			-		203	-	-	203	-	-	
IX.5	Đối ứng các dự án ODA			1.043.198	232.914	154.000	96.000	1.200	49.000	-	7.800	-		154.000	96.000	1.200	49.000	-	7.800	

1	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) - Dự án thành phần tỉnh Phú Yên	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	33/QĐ-TTg ngày 08/01/2021	914.776	218.476	145.000	96.000		49.000			-		145.000	96.000	-	49.000	-	-	
2	Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải y tế nguy hại tập trung tại thành phố Tuy Hòa; Hệ thống xử lý nước thải Bệnh viện Sơn Nhì và nâng cấp khu xử lý nước thải cho các bệnh viện Sơn Hoà, Đồng Xuân, Tây Hoà và Tuy An - tỉnh Phú Yên	Sở Y tế	QĐ số 719/QĐ-UBND ngày 30/3/16; 733/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	43.771	7.175	1.200		1.200		-		-		1.200	-	1.200	-	-	-	
3	Đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng, cung cấp trang thiết bị cho các Trạm y tế xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên thuộc Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk)	BQL Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk)	3828/QĐ-BYT ngày 28/8/2019	84.651	7.263	7.800				7.800		-		7.800	-	-	-	-	7.800	
IX.6	Bổ trí vốn để ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện một số hoạt động của các Chương trình mục tiêu quốc gia theo Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội	Ngân hàng chính sách xã hội				20.000			20.000			-		20.000	-	-	20.000	-	-	
B	KHỐI HUYỆN (CỦ) QUẢN LÝ			613.985	414.520	1.559.338	-	117.307	184.031	1.258.000	-	34.414	-	1.524.924	-	95.967	184.031	1.244.926	-	
B1	Phân cấp về khối huyện quản lý			-	-	1.393.031	-	-	165.031	1.228.000	-	-	-	1.393.031	-	-	165.031	1.228.000	-	
1	Thành phố Tuy Hòa					621.843			21.843	600.000		-		621.843	-	-	21.843	600.000	-	
2	Thị xã Sông Cầu					270.741			20.741	250.000		-		270.741	-	-	20.741	250.000	-	
3	Huyện Đồng Xuân					23.843			18.843	5.000		-		23.843	-	-	18.843	5.000	-	
4	Huyện Tuy An					60.443			15.443	45.000		-		60.443	-	-	15.443	45.000	-	

5	Huyện Sơn Hòa					42.633			22.633	20.000		-		42.633	-	-	22.633	20.000	-	
6	Huyện Phú Hòa					134.622			11.622	123.000		-		134.622	-	-	11.622	123.000	-	
7	Huyện Sông Hinh					40.934			20.934	20.000		-		40.934	-	-	20.934	20.000	-	
8	Huyện Tây Hòa					80.612			15.612	65.000		-		80.612	-	-	15.612	65.000	-	
9	Thị xã Đông Hòa					117.360			17.360	100.000		-		117.360	-	-	17.360	100.000	-	
B2	Tính hỗ trợ khối huyện				613.985	414.520	166.307	-	117.307	19.000	30.000	-	34.414	-	131.893	-	95.967	19.000	16.926	-
1	Sửa chữa, nâng cấp đường ĐH24 (đoạn từ ĐH22 - Quốc lộ 25)	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	số 19/NQ-HĐND ngày 21/10/2022 của HĐND huyện Phú Hòa	24.000	19.000	10.000		10.000		-		-		10.000	-	10.000	-	-	-	
2	Cấp nước sạch xã Đức Bình Đông, xã Sơn Giang và Buôn Nhum xã Ea Bía	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	số 83/NQ-HĐND ngày 21/10/2022 của HĐND huyện Sông Hinh	30.000	30.000	20.000		20.000		-		-		20.000	-	20.000	-	-	-	
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH.31	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	01/NQ-HĐND ngày 28/02/2023	34.800	34.800	15.000		15.000		-		-		15.000	-	15.000	-	-	-	
4	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Lảnh Trường - Đa Dú (ĐH.47)	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	số 2941/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND huyện Đông Xuân	35.000	30.000	12.000		12.000		-		-		12.000	-	12.000	-	-	-	
5	Nâng cấp các trạm bơm điện: khu phố Tây Hòa, Đông Hòa, Tỉnh Sơn thị trấn Củng Sơn và Gánh Ông Dư xã Sơn Hà	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	số 61/NQ-HĐND ngày 21/9/2021 của HĐND huyện Sơn Hòa	40.000	35.000	14.000		14.000				-		14.000	-	-	14.000	-	-	
6	Nâng cấp , sửa chữa đường 24/3 (đoạn từ sân vận động 24/3 đến giao Quốc lộ 19C)	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	số 49/NQ-HĐND ngày 12/10/2022 của HĐND huyện Sơn Hòa	45.000	30.000	7.000		7.000		-		-		7.000	-	7.000	-	-	-	

7	Đầu tư xây dựng tuyến giao thông từ chợ Phú Thứ - Hòa Phong dọc Kênh Nam (giai đoạn 01 dài khoảng 990m; điểm đầu giao nhau với cầu Tông, Km0+00; điểm cuối giáp cầu qua kênh đối diện trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai, Km0+990)	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	35/NQ-HĐND ngày 05/8/2021 của HĐND huyện Tây Hòa	53.475	30.000	20.000			5.000	15.000		-		20.000	-	-	5.000	15.000	-	
8	Hồ chứa nước mỹ Lâm, tỉnh Phú Yên (chỉ phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư)	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	3911/QĐ-BNN-XD ngày 29/9/2017; 3811/QĐ-BNN-XD ngày 06/11/2024	113.890	6.307	6.307		6.307		-		-		6.307	-	6.307	-	-	-	
9	Hệ thống xử lý nước thải bãi chôn lấp chất thải rắn thành phố Tuy Hòa	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	số 87/NQ-HĐND ngày 17/8/2021; số 39/NQ-HĐND ngày 15/7/2022; số 156/NQ-HĐND ngày 15/12/2022	65.000	65.000	15.000		15.000		-		15.000		-	-	-	-	-	-	
10	Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu khu di tích lịch sử tàu không số Vũng Rô	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk				7.000		7.000		-		-		7.000	-	7.000	-	-	-	
11	Xây dựng tuyến đường quy hoạch D7 thuộc Đồ án Quy hoạch chi tiết 1/500 Khu đô thị ven sông từ cầu Bến Lớn đến cầu Bàn Thạch (giai đoạn 1)	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	số 23/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND thị xã Đông Hòa	57.900	30.000	15.000		15.000		-		5.000		10.000	-	10.000	-	-	-	
12	Nâng cấp trường THCS Bùi Thị Xuân	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	số 14/NQ-HĐND ngày 03/11/2022 của HĐND thị xã Sông Cầu	40.507	30.000	10.000		10.000		-		1.340		8.660	-	8.660	-	-	-	
13	Trung tâm văn hóa đa năng thị xã Sông Cầu	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh Đắk Lắk	177/NQ-HĐND ngày 19/9/2019	74.413	74.413	15.000				15.000		13.074		1.926	-	-	-	1.926	-	
C	Nguồn phân bổ sau					117.200	26.700	-	-	-	90.500	90.500		26.700	26.700	-	-	-		